



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO



Bản tin

KINH TẾ VĨ MÔ

SỐ THÁNG 1/2025



MỤC LỤC



PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI	1
1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 12/2024	1
1.1. Tổng quan chung	1
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới	3
2. Dự báo tăng trưởng	8
PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM	9
1. Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 12/2024	9
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội	9
1.1.1. Sản xuất công nghiệp	10
1.1.2. Xuất nhập khẩu	10
1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp	11
1.1.4. Hoạt động đầu tư	11
1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng	12
1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ	12
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng	12
1.2.2. Lãi suất	13
1.2.3. Tỷ giá	15
1.2.4. Chứng khoán	16
1.2.5. Lạm phát	17
2. Dự báo kinh tế Việt Nam	18
2.1. Về chủ trương, chính sách	18
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam	19
PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO	22
1. Thị trường dầu thô	22
2. Thị trường khí	29
3. Thị trường phân bón	34
4. Thị trường điện	37
PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	40
Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 12 năm 2024	41



PHẦN I

KINH TẾ THẾ GIỚI

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 12/2024

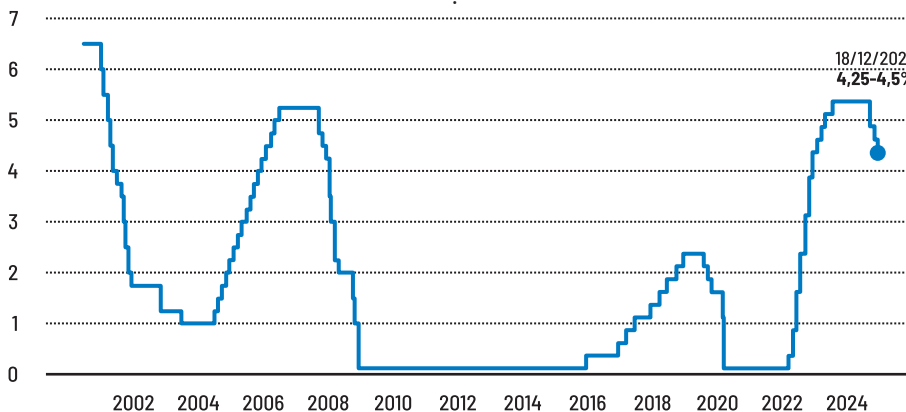
1.1. Tổng quan chung

Trong tháng 12/2024, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức lớn trong bối cảnh bất ổn địa chính trị và sự phân hóa rõ nét giữa các khu vực kinh tế. Trong khi các nền kinh tế hàng đầu như Mỹ và Trung Quốc vẫn duy trì đà phục hồi vững chắc, nhờ chính sách tiền tệ linh hoạt và nhu cầu nội địa ổn định thì các quốc gia châu Âu lại chật vật đối phó với suy thoái kéo dài do khủng hoảng năng lượng và bất ổn chính trị.

Ngày 18/12, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã cắt giảm lãi suất thêm 0,25 điểm phần trăm, đưa lãi suất tham chiếu xuống mức 4,25% - 4,5%. Động thái này không chỉ hỗ trợ thị trường tài chính Mỹ tăng trưởng mà còn tạo cú hích tích cực cho các nền kinh tế toàn cầu, giúp giảm áp lực lên chi phí vốn và thúc đẩy hoạt động đầu tư.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT FED QUA CÁC NĂM

Đơn vị tính: %

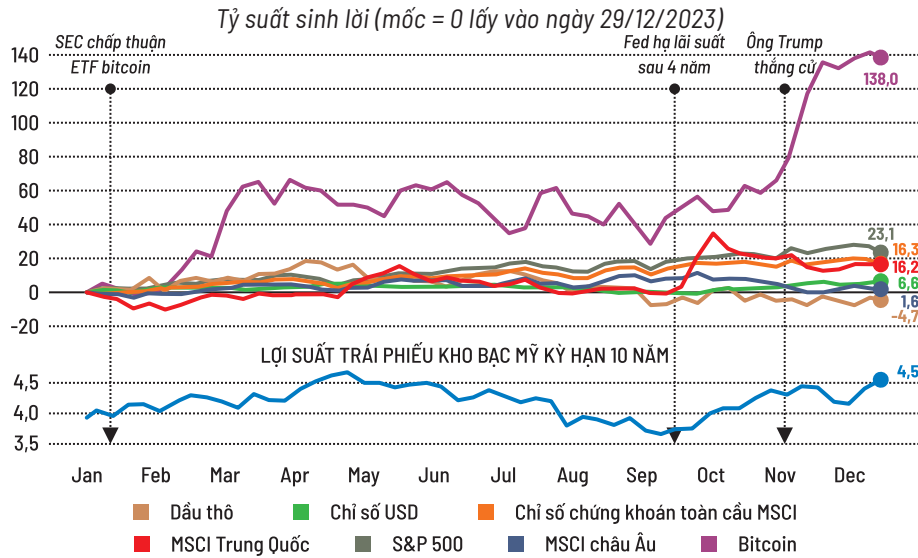


Nguồn: Fed

Bên cạnh đó, nhờ tác động tích cực từ việc điều chỉnh lãi suất, sự nhiệt tình của các nhà đầu tư đối với lĩnh vực trí tuệ nhân tạo và kỳ vọng vào các chính sách cắt giảm thuế thị trường chứng khoán toàn cầu và Bitcoin đã ghi nhận những kỷ lục mới vào năm 2024. Trong đó, đồng Bitcoin đã vượt mốc 100.000 USD, đánh dấu mức tăng hơn 120% trong năm, phản ánh sức hút mạnh mẽ của các tài sản kỹ thuật số trong bối cảnh môi trường tài chính thuận lợi và niềm tin ngày càng gia tăng vào công nghệ blockchain.

BIẾN ĐỘNG GIÁ VÀ CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH QUAN TRỌNG TRÊN TOÀN CẦU NĂM 2024

Đơn vị tính: %



Nguồn: LSEG, Reuters

Ngoài ra, trong tháng qua, giá vàng tiếp tục tăng mạnh, bất chấp đồng USD chạm đỉnh mới. Đến cuối tháng 12, giá vàng đã vượt ngưỡng 2.800 USD/ounce, đánh dấu mức tăng gần 30% trong năm qua và hơn 40 lần lập kỷ lục mới. Nguyên nhân chính thúc đẩy đà tăng giá này bao gồm nhu cầu trú ẩn an toàn trước căng thẳng địa chính trị leo thang, dòng tiền đầu tư đổ vào vàng khi chính sách tiền tệ toàn cầu bớt thắt chặt và xu hướng phi đô la hóa từ các ngân hàng trung ương ở các nền kinh tế mới nổi.

DIỄN BIẾN GIÁ VÀNG THẾ GIỚI THÁNG 12/2024

Đơn vị tính: USD/oz



Nguồn: Trading Economics

Mặc dù xuất hiện nhiều tín hiệu phục hồi, kinh tế toàn cầu vẫn chịu ảnh hưởng nặng nề bởi các cuộc xung đột địa chính trị và những bất ổn kinh tế kéo dài. Tình hình căng thẳng tại Ukraine và Trung Đông không ngừng leo thang, làm gián đoạn thị trường năng lượng, đẩy giá dầu và khí đốt tăng cao. Đặc biệt, hết năm 2024, việc Nga chính thức ngừng cung cấp khí đốt cho châu Âu sẽ làm trầm trọng thêm cuộc khủng hoảng năng lượng tại khu vực này, đẩy nhiều nền kinh tế châu Âu vào suy thoái nghiêm trọng hơn. Đồng thời, các tuyên bố của Tổng thống đắc cử Mỹ Donald Trump về áp thuế với Canada, Trung Quốc và các quốc gia thuộc khối BRICS làm gia tăng nguy cơ chiến tranh thương mại, gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu và khiến chi phí sản xuất leo thang. Trong bối cảnh đó, các nền kinh tế mới nổi càng dễ chịu nhiều tác động tiêu cực trước các biến động quốc tế, nhất là từ xu hướng bảo hộ thương mại ngày càng tăng và gánh nặng nợ công cao.

1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

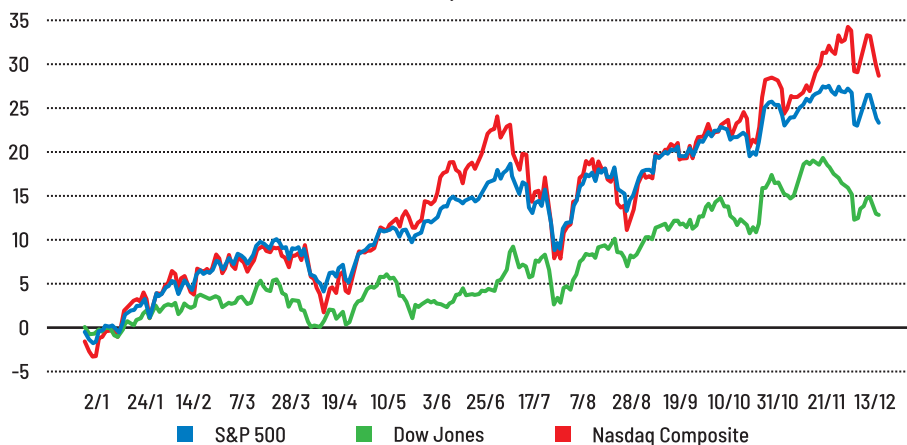
▪ Mỹ

Kinh tế Mỹ trong tháng 12 tiếp tục ghi nhận những tín hiệu tích cực khi chỉ số PMI tổng hợp tăng lên 56,6 so với mức 54,9 của tháng 11. Đây là mức tăng mạnh nhất kể từ tháng 3/2022, phản ánh sự tăng trưởng ấn tượng của khu vực tư nhân, đặc biệt là dịch vụ, dù ngành sản xuất có sự suy giảm nhẹ. Đồng thời, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp mới giảm, cho thấy thị trường lao động vẫn duy trì sự ổn định và hỗ trợ tích cực cho nền kinh tế.

Trong khi đó, thị trường chứng khoán Mỹ đã khép lại một năm 2024 bùng nổ, cả 3 chỉ số chính của thị trường đều ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng, với S&P 500 tăng 23,31%, Dow Jones tăng 12,88% và Nasdaq Composite vượt trội với mức tăng 28,64%.

BIẾN ĐỘNG BA CHỈ SỐ CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN MỸ NĂM 2024

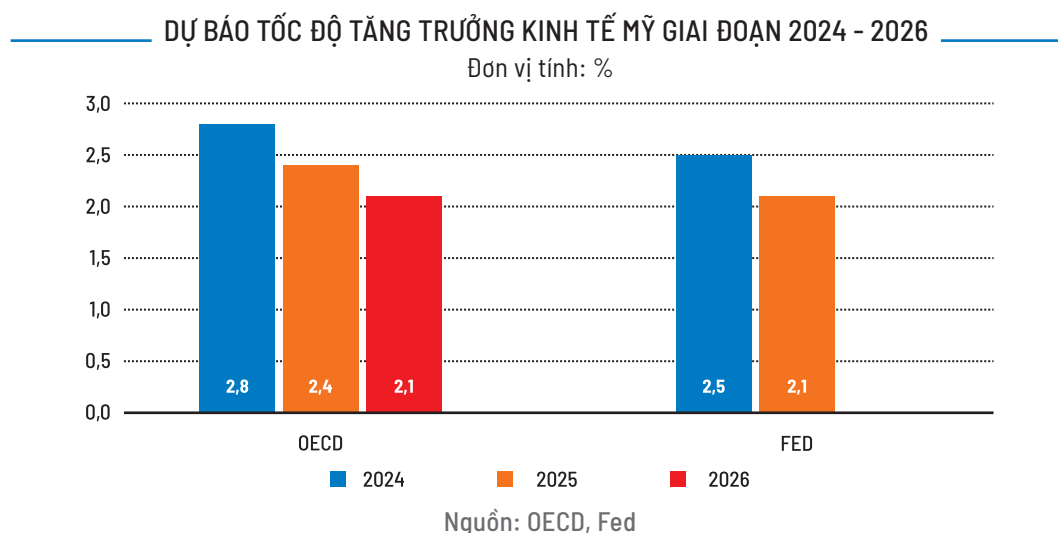
Đơn vị tính: %



Nguồn: CNBC

Bên cạnh những điểm sáng, kinh tế Mỹ cũng đối mặt với thách thức lớn khi tỷ lệ vỡ nợ thẻ tín dụng đạt mức cao nhất kể từ năm 2008, phản ánh áp lực tài chính gia tăng đối với các hộ gia đình thu nhập thấp trong bối cảnh lạm phát kéo dài và lãi suất cao. Đồng thời, việc chính phủ Mỹ phải đối mặt với thâm hụt ngân sách lớn và chi phí vay mượn ngày càng tăng đang tạo áp lực lớn lên nền tài chính công. Nợ công tăng cao không chỉ ảnh hưởng đến triển vọng tăng trưởng kinh tế mà còn làm gia tăng rủi ro về ổn định tài khóa trong dài hạn.

Về triển vọng kinh tế, ngày 4/12, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) dự báo tăng trưởng của Mỹ sẽ chậm lại từ mức ước tính 2,8% trong năm nay, xuống 2,4% vào năm 2025 và 2,1% vào năm 2026 khi thị trường việc làm suy yếu, khiến chi tiêu của người tiêu dùng giảm xuống. Tuy nhiên, vào ngày 18/12, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) nâng dự báo tăng trưởng năm 2024 và 2025 lần lượt tăng 2,5% và 2,1%, đều cao hơn so với dự báo cùng tăng 2,0% hồi tháng 9. Đồng quan điểm lạc quan với Fed, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cho rằng nền kinh tế Mỹ sẽ tiếp tục dẫn đầu thế giới với GDP dự báo đạt 30,3 nghìn tỷ USD.

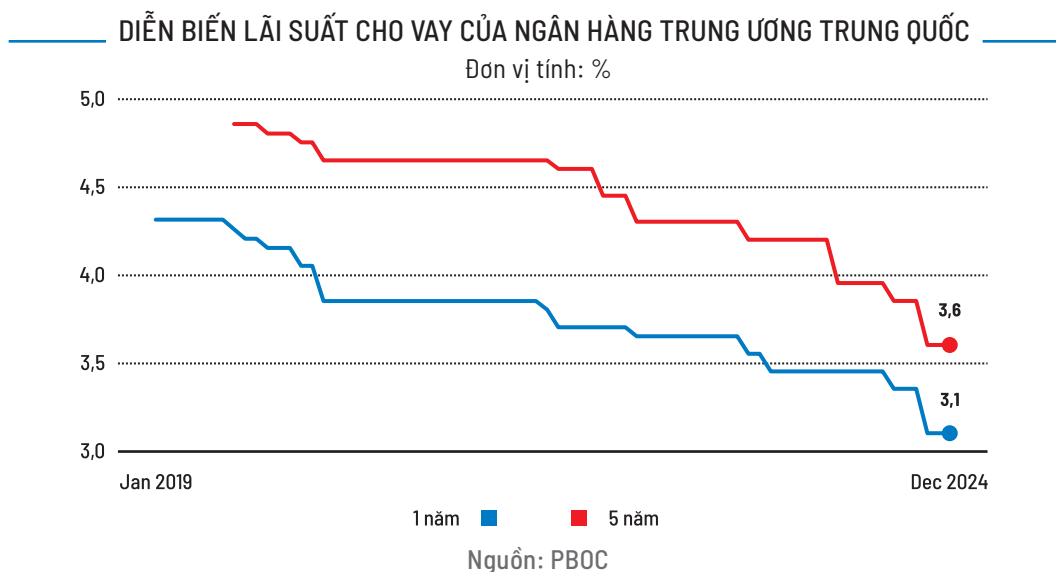


▪ Trung Quốc

Kinh tế Trung Quốc tiếp tục ghi nhận những dấu hiệu phục hồi nhẹ nhưng không đồng đều. Hoạt động sản xuất tăng trưởng chậm chạp, với chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất tháng 12 đạt 50,1 điểm, chỉ nhỉnh hơn mức trung tính, thấp hơn dự báo 50,3 điểm của thị trường và mức đạt được vào tháng 11. Điều này cho thấy các biện pháp kích thích kinh tế hiện tại vẫn chưa đủ mạnh để đẩy nhanh đà phục hồi. Tuy nhiên, lĩnh vực phi sản xuất, bao gồm dịch vụ và xây dựng, lại khởi sắc với chỉ số PMI tăng từ 50,0 điểm lên 52,2 điểm, vượt qua kỳ vọng thị trường.

Bên cạnh đó, khi mùa Đông đến, tại các địa phương của Trung Quốc lại chào đón làn sóng du lịch băng tuyết sôi động, thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước. Sự phát triển mạnh mẽ của du lịch băng tuyết không chỉ mang lại nguồn thu đáng kể mà còn trở thành động lực kinh tế quan trọng, thúc đẩy tiêu dùng trong lĩnh vực nhà hàng, dịch vụ, vận tải và sản xuất thiết bị băng tuyết.

Ngày 9/12, Bộ Chính trị Trung Quốc chính thức thông qua chính sách tiền tệ “nới lỏng hợp lý” đánh dấu sự thay đổi quan trọng nhằm hỗ trợ nền kinh tế đang suy yếu. Chính sách này mở đường cho các biện pháp kích thích tài chính mạnh mẽ hơn trong năm tới, bao gồm cắt giảm lãi suất và mua tài sản. Tiếp đó, ngày 20/12, Ngân hàng trung ương Trung Quốc (PBOC) quyết định giữ nguyên lãi suất cho vay cơ bản kỳ hạn 1 năm ở mức 3,1% và kỳ hạn 5 năm ở mức 3,6%.



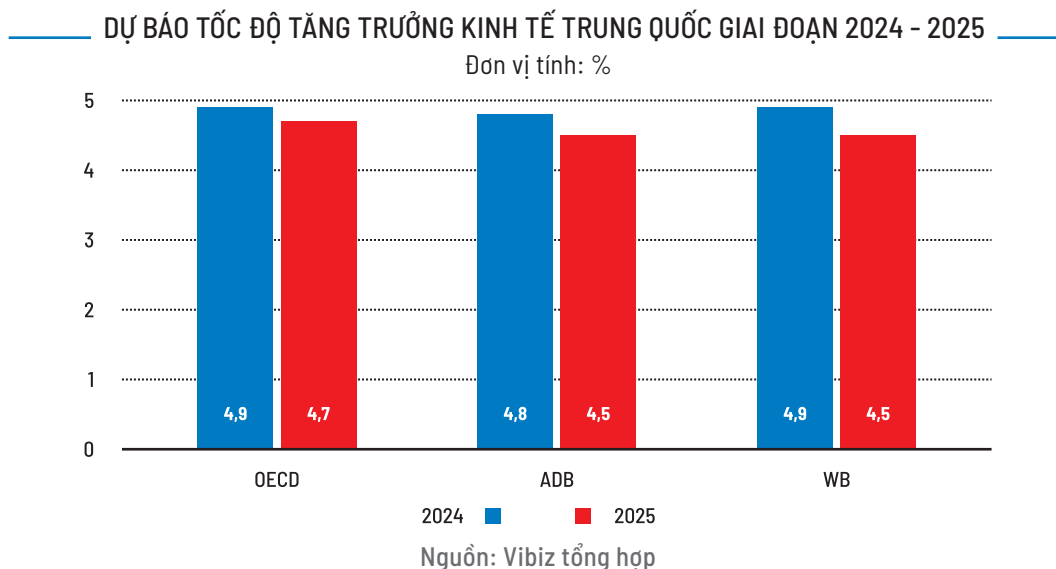
Ngoài chính sách tiền tệ nới lỏng, theo số liệu được công bố trong tháng qua, PBOC đã mua thêm 5 tấn vàng, nâng tổng dự trữ vàng lên 2.280 tấn, thể hiện nỗ lực củng cố niềm tin và tăng cường sức mạnh tài chính quốc gia mạnh mẽ của chính phủ Trung Quốc.

Dù vậy, kinh tế Trung Quốc vẫn đối mặt với nhiều thách thức. Trong đó, khủng hoảng bất động sản, nhu cầu tiêu dùng yếu, tình trạng già hóa dân số nhanh chóng và giảm phát kéo dài tiếp tục đè nặng lên tăng trưởng. Ngày 4/12, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) dự báo tăng trưởng kinh tế Trung Quốc sẽ giảm từ mức 4,9% trong năm 2024 xuống còn 4,7% vào năm 2025 và 4,4% vào năm 2026, dù Bắc Kinh đã áp dụng chính sách nới lỏng tiền tệ và tài khóa. Đồng quan điểm, ngày 11/12, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) cũng giữ nguyên dự báo tăng trưởng GDP của Trung Quốc ở mức 4,8% vào năm 2024 và 4,5% vào năm 2025 như trong báo cáo tháng 9.

Trong khi đó, ngày 26/12, Ngân hàng Thế giới (WB) đã nâng dự báo tăng trưởng GDP của Trung Quốc lên mức 4,9% cho năm 2024, vượt nhẹ so với mức 4,8% được dự báo trước đó nhờ tác động tích cực từ các chính sách nới lỏng và sự gia tăng ngắn hạn của tổng sản lượng xuất khẩu. Tuy nhiên, tăng trưởng dự kiến sẽ giảm xuống 4,5% vào năm 2025.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 1/2025

Ngoài ra, dù triển vọng kinh tế còn nhiều thách thức, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự đoán Trung Quốc sẽ tiếp tục giữ vị trí nền kinh tế lớn thứ hai thế giới với GDP đạt 19,5 nghìn tỷ USD vào năm 2025, đóng góp đáng kể vào tổng quy mô kinh tế toàn cầu, ước tính đạt 15 nghìn tỷ USD.



■ EU

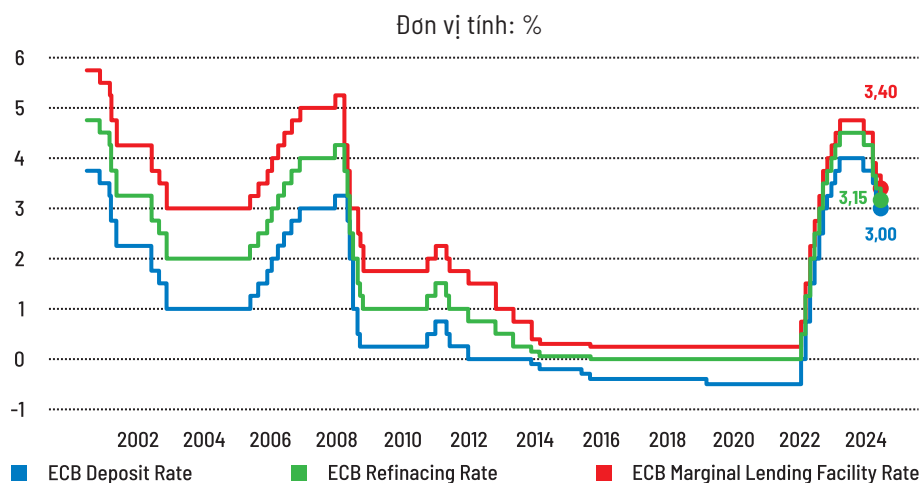
Hoạt động kinh doanh tại khu vực châu Âu (EU) tiếp tục âm ảm, với sự suy giảm đáng kể từ hai nền kinh tế lớn là Đức và Pháp. Chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất trong tháng 12 duy trì ở mức thấp 45,2 điểm, không thay đổi so với tháng 11, trong khi PMI lĩnh vực dịch vụ tăng nhẹ lên 51,4 điểm, cao hơn dự báo trước đó. Dù vậy, mức tăng này chưa đủ để tạo ra sự cải thiện đáng kể cho nền kinh tế chung.

Ngày 12/12, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã quyết định giảm lãi suất lần thứ ba liên tiếp, hạ thêm 0,25 điểm phần trăm. Theo đó, lãi suất chính sách giảm xuống còn 3%, lãi suất tái cấp vốn và lãi suất cho vay lần lượt ở mức 3,15% và 3,4%, gia tăng khoảng cách so với Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed). Động thái này phản ánh nỗ lực của ECB nhằm ứng phó với những thách thức nghiêm trọng mà khu vực Eurozone đang đối mặt, bao gồm bất ổn chính trị trong khu vực và áp lực thương mại gia tăng từ các chính sách thuế nhập khẩu của chính quyền Donald Trump.

Bên cạnh đó, ngành công nghiệp châu Âu đang đối diện nguy cơ chịu thêm một áp lực lớn về nguồn cung khí đốt trong mùa đông khi thời tiết lạnh giá làm cạn kiệt nguồn dự trữ, trong khi sự cạnh tranh nhập khẩu từ châu Á ngày càng gay gắt. Đặc biệt, từ ngày 1/1/2025, Nga chính thức ngừng cung cấp khí đốt qua Ukraine, làm trầm trọng thêm tình trạng thiếu hụt năng lượng. Những diễn biến này đã đẩy lên mối lo ngại về khả năng xảy ra một cuộc khủng hoảng năng lượng mới, đe dọa trực tiếp đến sản xuất công nghiệp và nền kinh tế khu vực.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 1/2025

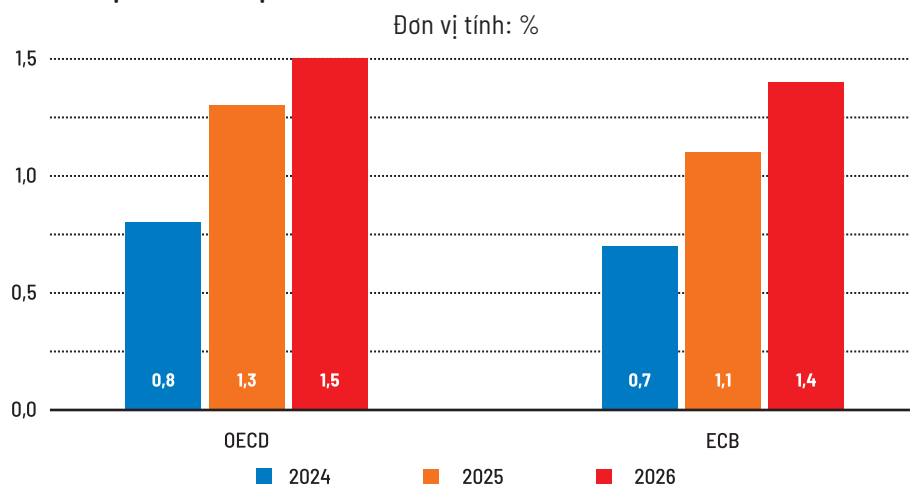
DIỄN BIẾN LÃI SUẤT CỦA NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG CHÂU ÂU



Nguồn: ECB

Về dự báo tăng trưởng kinh tế khu vực châu Âu trong thời gian tới, ngày 4/12, theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), tăng trưởng của khu vực này dự kiến sẽ cải thiện từ mức 0,8% trong năm 2024 lên 1,3% vào năm 2025 và 1,5% vào năm 2026. Trong khi đó, ngày 12/12, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) dự báo GDP khu vực châu Âu sẽ tăng trưởng 0,7% trong năm 2024, sau đó cải thiện lên 1,1% vào năm 2025 và đạt 1,4% vào năm 2026.

DỰ BÁO TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CHÂU ÂU NĂM 2024 -2026



Nguồn: ECB, OECD

2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

Trong tháng 12, dự báo từ các tổ chức quốc tế đã phản ánh những kỳ vọng lạc quan đối với tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong những năm tới, với sự ổn định và phục hồi trong bối cảnh nhiều quốc gia áp dụng các chính sách hỗ trợ và lạm phát có xu hướng dịu lại.

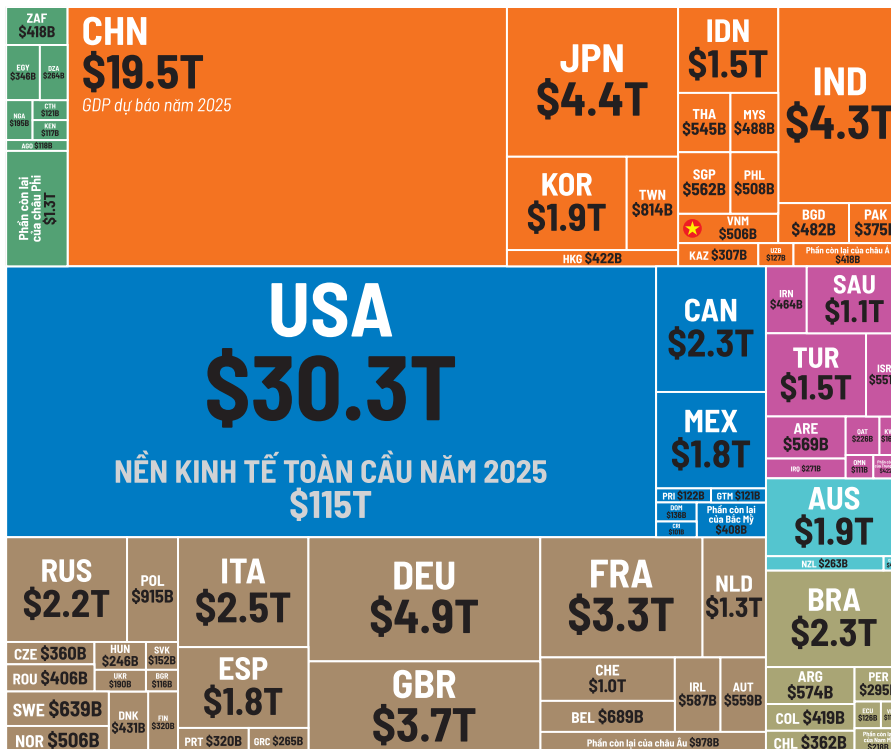
Ngày 4/12, *Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD)* ước tính nền kinh tế thế giới sẽ tăng trưởng 3,2% trong năm 2024 và dự báo mức tăng trưởng sẽ tiếp tục đạt 3,3% trong năm 2025 và 2026. Mức tăng trưởng này trong năm 2025 cao hơn 1 điểm phần trăm so với dự báo của OECD trước đó, cho thấy sự cải thiện mạnh mẽ của nền kinh tế toàn cầu. OECD cho rằng tình hình lạm phát đang dịu lại, sự phục hồi trong việc làm và làn sóng giảm lãi suất sẽ giúp bù đắp cho tình trạng thắt chặt tài khóa ở một số quốc gia, tạo nền tảng thuận lợi cho tăng trưởng.

Đồng quan điểm lạc quan với OECD, ngày 5/12, *Fitch Ratings* dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2024 sẽ đạt 2,8% và 2,6% trong năm 2025, đều tăng 0,1 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 9/2024.

Đồng thời, trong tháng qua, *Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF)* dự báo quy mô nền kinh tế toàn cầu có thể đạt 15 nghìn tỷ USD vào năm 2025, minh chứng cho triển vọng tích cực và bền vững của nền kinh tế thế giới trong tương lai gần.

ĐỒ THỊ QUY MÔ NỀN KINH TẾ TOÀN CẦU NĂM 2025

ST: Nghìn tỷ USD / \$B: Tỷ USD



Nguồn: IMF



PHẦN II

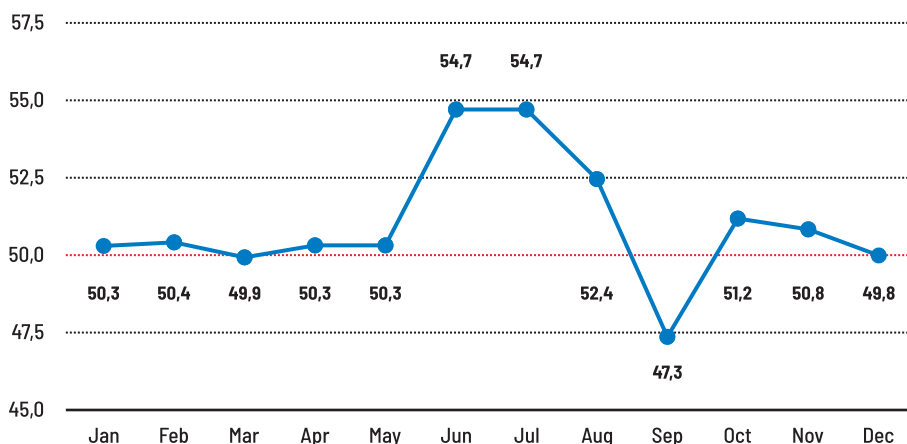
KINH TẾ VIỆT NAM

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 12/2024

1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

Trong tháng 12/2024, chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam giảm từ 50,8 điểm của tháng trước xuống 49,8 điểm, đưa ngành sản xuất Việt Nam trở lại trạng thái thu hẹp sau một thời gian tăng trưởng ổn định. Mặc dù sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới vẫn tăng, tốc độ tăng trưởng đã chậm lại đáng kể, yếu nhất trong ba tháng gần đây. Nhiều doanh nghiệp ghi nhận sự cải thiện về nhu cầu trong nước, nhưng sự bất ổn của thị trường toàn cầu đã tác động mạnh đến số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu, làm giảm tháng thứ hai liên tiếp với tốc độ giảm ngày càng mạnh hơn. Điều này phản ánh những thách thức mà các nhà sản xuất Việt Nam phải đối mặt trước biến động kinh tế quốc tế.

CHỈ SỐ PMI CỦA VIỆT NAM TỪ THÁNG 1/2024 - 12/2024



Nguồn: S&P Global

Bên cạnh đó, trong quý IV/2024, tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tính tăng 7,55% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung, GDP năm 2024 ước tính tăng 7,09% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011-2024. Quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2024 ước đạt 11,51 triệu tỷ đồng, tương đương 476,3 tỷ USD.

1.1.1. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 12/2024 ước tính tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành khai khoáng giảm 3,7% với cùng kỳ năm trước; ngành chế biến, chế tạo tăng 10,2%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 5,6% và ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 16,4%.

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp quý IV/2024 giảm 0,23% so với quý trước và tăng 0,34% so với cùng kỳ năm 2023. Tính chung năm 2024, chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp tăng 0,59% so với năm 2023.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) năm 2024 ước tăng 8,4% so với năm trước (năm 2023 tăng 1,3%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,6% (năm 2023 tăng 1,5%), đóng góp 8,4 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9,5%, đóng góp 0,8 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 10,7%, đóng góp 0,2 điểm phần trăm; ngành khai khoáng giảm 6,5%, làm giảm 1,0 điểm phần trăm trong mức tăng chung.

1.1.2. Xuất nhập khẩu

▪ Xuất khẩu hàng hóa

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 12/2024 đạt 35,53 tỷ USD, tăng 5,3% so với tháng trước và tăng 12,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong quý IV/2024, kim ngạch xuất khẩu đạt 105,9 tỷ USD, tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước và giảm 2,5% so với quý III năm 2024. Tính chung cả năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 405,53 tỷ USD, tăng 14,3% so với năm trước.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu năm 2024, nhóm hàng công nghiệp chế biến đạt 356,74 tỷ USD, chiếm 88,0%.

▪ Nhập khẩu hàng hóa

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 12/2024 đạt 35,01 tỷ USD, tăng 7,2 so với tháng trước và tăng 19,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong quý IV/2024, kim ngạch nhập khẩu đạt 101,9 tỷ USD, tăng 14,9% so với cùng kỳ năm trước và tăng 2,2% so với quý III năm 2024. Tính chung cả năm 2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 380,76 tỷ USD, tăng 16,7% so với năm trước.

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu năm 2024, nhóm hàng tư liệu sản xuất đạt 356,43 tỷ USD, chiếm 93,6%.

Cán cân thương mại hàng hóa tháng 12/2024 ước tính xuất siêu 0,52 tỷ USD. Tính chung cả năm 2024, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 24,77 tỷ USD (năm trước xuất siêu 28,4 tỷ USD).

1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng 12/2024, cả nước có gần 10,0 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, giảm 10,4% so với tháng trước và giảm 12,6% so với cùng kỳ năm trước; hơn 8,8 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 14,8% và tăng 38,3%; 4.187 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, giảm 1,3% và tăng 10,1%; 19.886 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 163,4% và tăng 128,9%; 2.345 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 22,8% và tăng 21,2%.

Tính chung trong năm 2024, cả nước có hơn 233,4 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng 7,1% so với năm trước; bình quân một tháng có gần 19,5 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động. Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là 197,9 nghìn doanh nghiệp, tăng 14,7%; bình quân một tháng có gần 16,5 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

1.1.4. Hoạt động đầu tư

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/12/2024 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 38,23 tỷ USD, giảm 3,0% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2024 ước đạt 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% so với năm trước.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong năm 2024 có 164 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 603,7 triệu USD, gấp hơn hai lần so với năm trước; có 26 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh 61,1 triệu USD, giảm 55,8%. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 664,8 triệu USD, tăng 57,7% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội quý IV/2024 theo giá hiện hành ước đạt 1.274,5 nghìn tỷ đồng, tăng 8,7% so với cùng kỳ năm trước. Ước tính năm 2024, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành ước đạt 3.692,1 nghìn tỷ đồng, tăng 7,5% so với năm trước.

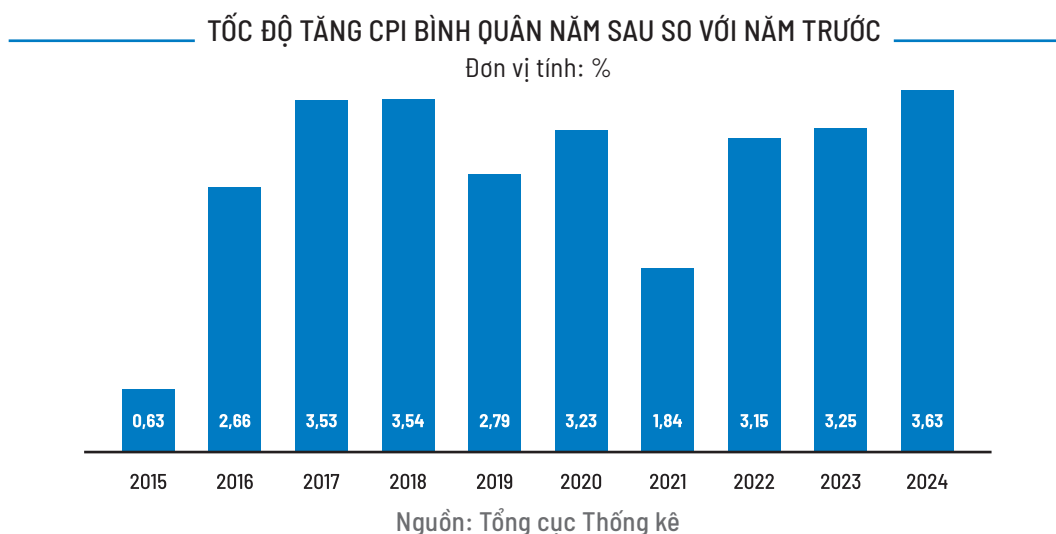
Ước đến hết tháng 12/2024, cả nước giải ngân được trên 529.632 tỷ đồng, đạt 77,55% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

Như vậy, tỷ lệ giải ngân ước 12 tháng của cả nước thấp hơn cùng kỳ năm 2023 (năm 2023, tỷ lệ giải ngân của cả nước đạt 73,5% kế hoạch và đạt 81,87% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao). Trong đó, ước giải ngân 12 tháng vốn ngân sách trung ương đạt trên 72%, cao hơn cùng kỳ năm 2023 (đạt gần 70%), nhưng vốn ngân sách địa phương ước giải ngân 12 tháng đạt trên 69% kế hoạch và đạt trên 80% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, thấp hơn cùng kỳ năm 2023 (năm 2023 đạt tỷ lệ lần lượt 76% và 94%).

1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng

Một số địa phương thực hiện điều chỉnh giá dịch vụ y tế theo Thông tư số 21/2024/TT-BYT, giá nhà ở thuê, giá xăng dầu tăng là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2024 tăng 0,29% so với tháng trước. So với tháng 12/2023, CPI tháng 12/2024 tăng 2,94%.

CPI bình quân quý IV/2024 tăng 2,87% so với quý IV/2023. Tính chung cả năm 2024, CPI tăng 3,63% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.



1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ

1.2.1. Tăng trưởng tín dụng

Tính đến ngày 25/12/2024, tổng phương tiện thanh toán tăng 9,42% so với cuối năm 2023, huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 9,06%, tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 13,82%.

Đặc biệt, trong tháng qua, ngày 30/12/2024, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã công bố nguyên tắc minh bạch và công khai về chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2025, với mục tiêu tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống đạt khoảng 16%, cao hơn mức mục tiêu 15% của năm 2024.

Để thúc đẩy tăng trưởng tín dụng trong năm 2025, các ngân hàng có ba yếu tố quan trọng cần lưu ý.

Thứ nhất, các ngân hàng đã sử dụng hiệu quả hạn mức tín dụng trong năm 2024 sẽ có lợi thế trong việc đảm bảo hạn mức tín dụng cho năm 2025.

Thứ hai, việc tăng cường chi phí dự phòng và cải thiện chất lượng tài sản sẽ giúp giảm áp lực gia tăng nợ xấu (NPL) khi tín dụng bán lẻ phục hồi.

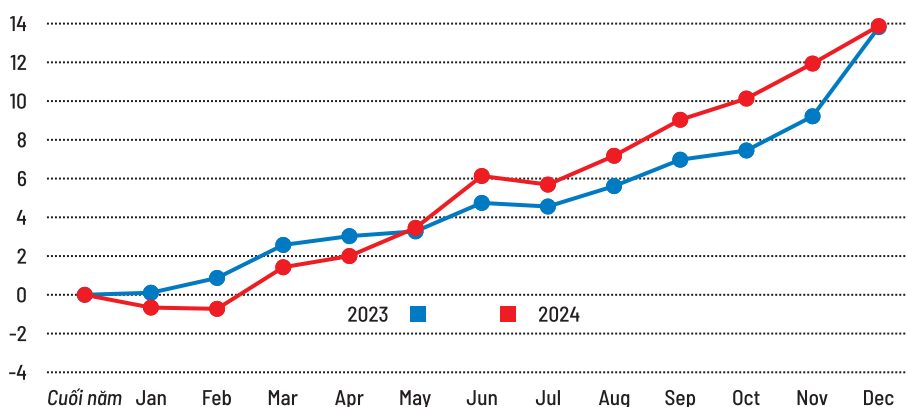
BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 1/2025

Cuối cùng, sự phục hồi mạnh mẽ của tỷ lệ lợi nhuận ròng (NIM) trong năm 2024 sẽ tạo điều kiện cho các ngân hàng có thể giảm lãi suất cho vay, từ đó thúc đẩy mở rộng tín dụng vào năm 2025.

Ngoài ra, với các yếu tố hỗ trợ từ chính sách cải cách thể chế và phục hồi của các lĩnh vực như bất động sản, dự báo tín dụng sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2025.

TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG NĂM 2024 SO VỚI NĂM 2023

Đơn vị tính: %



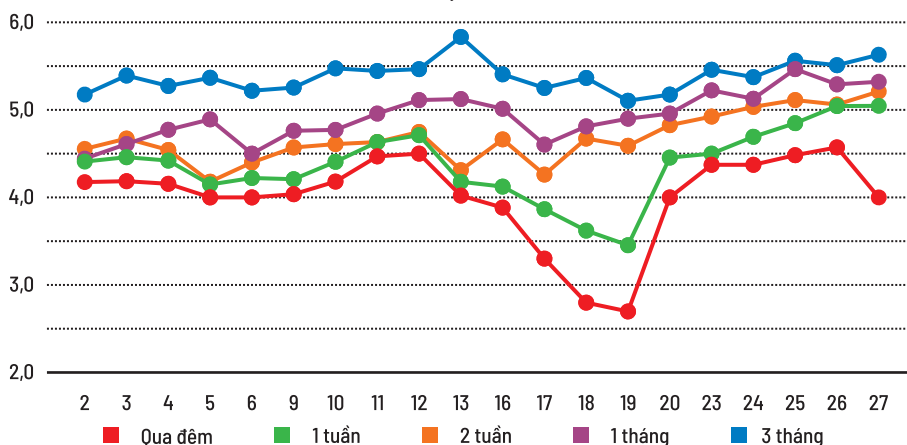
Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

1.2.2. Lãi suất

Trong tháng 12/2024, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) áp dụng lãi suất tái chiết khấu ở mức 3%, lãi suất tái cấp vốn 4,5%. Bên cạnh đó, trong tháng qua, lãi suất trên thị trường liên ngân hàng biến động mạnh giữa các kỳ hạn. Đầu tháng, lãi suất duy trì ổn định ở mức 4-5%, nhưng giữa tháng, kỳ hạn qua đêm giảm mạnh xuống dưới 4% do thanh khoản dồi dào, trước khi phục hồi nhanh. Cuối tháng, lãi suất tất cả các kỳ hạn tăng trở lại, phản ánh nhu cầu vốn tăng cao vào dịp cuối năm.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG THÁNG 12/2024

Đơn vị tính: %



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 1/2025

Tính đến tháng 12/2024, tỷ lệ dự trữ bắt buộc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định đối với các loại tiền gửi vẫn không thay đổi so với những tháng trước. Cụ thể:

TỶ LỆ DỰ TRỮ BẮT BUỘC THÁNG 12/2024

LOẠI TỔ CHỨC TÍN DỤNG	Tiền gửi VND		Tiền gửi ngoại tệ		
	Không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	Tiền gửi của tổ chức tín dụng ở nước ngoài	Tiền gửi khác không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	Tiền gửi khác có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên
Quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô	0%	0%	0%	0%	0%
Ngân hàng chính sách	Theo quy định của Chính phủ				
Agribank; Ngân hàng hợp tác xã	3%	1%	1%	7%	5%
Tổ chức tín dụng khác	3%	1%	1%	8%	6%

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

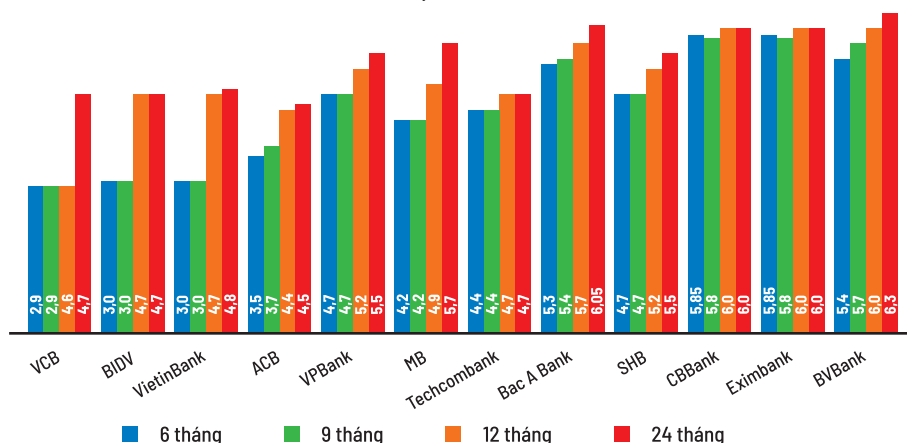
Đối với lãi suất huy động: Trong tháng 12/2024, đã có 14 ngân hàng tăng lãi suất huy động, bao gồm: ABBank, IVB, TPBank, GPBank, MSB, Dong A Bank, ABBank, OCB, VIB, Cake by VPBank, CB, BVBank, Techcombank và MBBank. Trong đó, ABBank đã 2 lần tăng lãi suất trong tháng 12.

Ở chiều ngược lại, có 8 ngân hàng giảm lãi suất huy động, bao gồm: ABBank, VIB, IVB, LPBank, Bac A Bank, KienLongBank, NCB và GPBank.

Lãi suất tiền gửi với kỳ hạn 3 tháng, lãi suất dao động từ 3,3% (PVcomBank) đến 4,7% (Nam A Bank). Đối với kỳ hạn 6 tháng, mức lãi suất phổ biến trong khoảng 4,2% - 5,85%, trong đó CB dẫn đầu với 5,85%. Kỳ hạn 12 tháng có sự phân hóa rõ, với mức cao nhất đạt 9,5% tại PVcomBank, trong khi các ngân hàng khác dao động từ 5,7% - 7,7%. Đối với kỳ hạn 24 tháng, lãi suất đạt từ 5,3% - 6,4%, với BAC A BANK đứng đầu bảng.

LÃI SUẤT HUY ĐỘNG TẠI MỘT SỐ NGÂN HÀNG THÁNG 12/2024

Đơn vị tính: %/năm



Nguồn: Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ

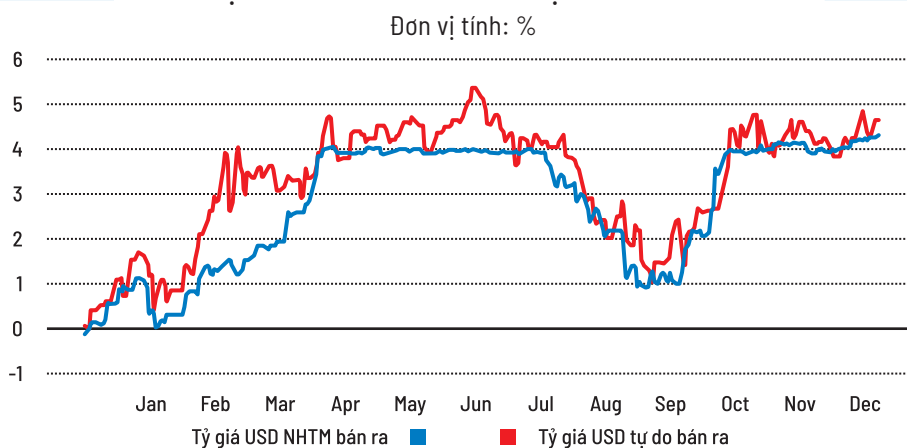
Tính chung cả năm 2024, hầu hết các ngân hàng đều tăng lãi suất huy động. Trong đó, có đến 26 ngân hàng tăng lãi suất kỳ hạn 3 tháng, 23 ngân hàng tăng lãi suất huy động kỳ hạn 6 tháng. Ngược lại, nhóm các ngân hàng giảm lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng (và cũng giảm hầu hết các kỳ hạn còn lại) gồm: SCB (giảm 0,35%/năm); Vietcombank, BIDV, Viet A Bank (giảm 0,3%/năm); VietinBank, Sacombank (giảm 0,2%/năm); NCB, KienLongBank (giảm 0,05%/năm).

1.2.3. Tỷ giá

Trong tháng 12/2024, tỷ giá USD tại Việt Nam biến động trong biên độ ổn định, chịu tác động từ cả yếu tố nội địa và quốc tế. Đầu tháng, tỷ giá ghi nhận mức tăng nhẹ do nhu cầu ngoại tệ phục vụ nhập khẩu cuối năm. Tuy nhiên, giữa tháng, tỷ giá có xu hướng giảm nhờ nguồn cung ngoại tệ dồi dào từ kiều hối và dòng vốn FDI giải ngân mạnh mẽ. Đến cuối tháng, tỷ giá USD tăng trở lại do tác động từ kỳ vọng chính sách lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) và nhu cầu thanh toán ngoại tệ tăng cao. Giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 25.488 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 12/2024 tăng 0,09% so với tháng trước, tăng 4,31% so với cùng kỳ năm trước, bình quân năm 2024 tăng 4,91%.

Nhìn chung, năm 2024 ghi nhận nhiều biến động mạnh của tỷ giá USD/VND dưới áp lực từ thị trường quốc tế và các yếu tố trong nước. So với cuối năm 2023, tỷ giá trung tâm tăng gần 2%, tỷ giá tại các ngân hàng tăng 4,6%, tỷ giá liên ngân hàng tăng 5,1% và tỷ giá trên thị trường tự do tăng 4,4%.

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ ĐỒNG USD
TRÊN THỊ TRƯỜNG CHÍNH THỨC VÀ TỰ DO TRONG NĂM 2024

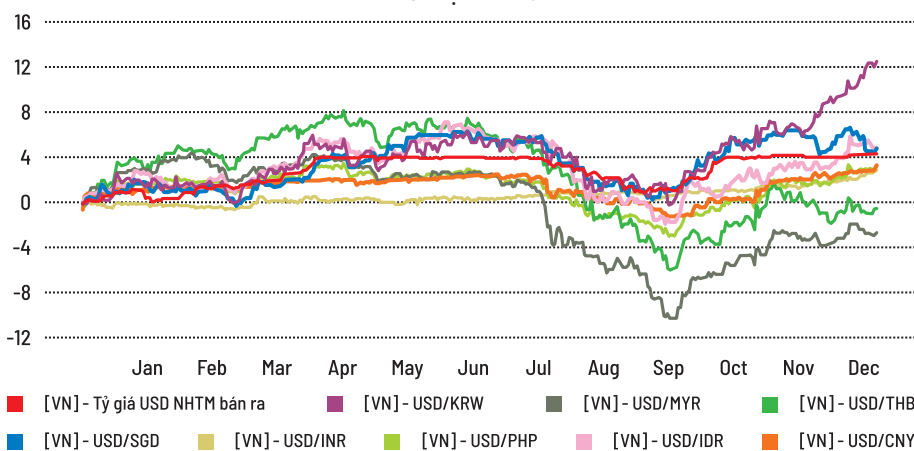


Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Bên cạnh đó, tính đến ngày 31/12/2024, tỷ giá USD/VND tăng 4,31% so với đầu năm. Dù vậy, mức mất giá của VND vẫn thấp hơn so với nhiều đồng tiền khác trong khu vực như KRW (Hàn Quốc) mất giá 12,51%, PHP (Philippines) 4,74%, và IDR (Indonesia) 4,85%. Điều này cho thấy sự ổn định tương đối của VND trước các biến động quốc tế.

DIỄN BIẾN CỦA CÁC ĐỒNG TIỀN TRONG KHU VỰC SO VỚI USD TRONG NĂM 2024

Đơn vị tính: %



Nguồn: VnEconomy

1.2.4. Chứng khoán

Trong tháng 12/2024, thị trường chứng khoán Việt Nam diễn biến sôi động với sự tăng trưởng tích cực ở cả chỉ số VN-Index và HNX-Index, nhờ dòng tiền mạnh mẽ từ nhà đầu tư trong và ngoài nước. Đầu tháng, thị trường ghi nhận các phiên tăng điểm liên tiếp do tâm lý lạc quan trước dự báo kinh tế năm 2025 khả quan. Tuy nhiên, giữa tháng, áp lực chốt lời từ nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn khiến thị trường rung lắc nhẹ. Đến cuối tháng, nhờ thông tin hỗ trợ từ chính sách điều hành kinh tế của Chính phủ và sự tăng giá của nhóm cổ phiếu ngân hàng và bất động sản, chỉ số VN-Index vượt mốc quan trọng, khép lại năm 2024 với sự tăng trưởng bền vững.

Tính đến ngày 31/12/2024, giá trị giao dịch bình quân trên thị trường cổ phiếu đạt 21.008 tỷ đồng/phiên, tăng 19,5% so với năm 2023. Giá trị giao dịch bình quân trên thị trường trái phiếu tăng 81,1%, đạt 11.802 tỷ đồng/phiên, trong khi khối lượng giao dịch trên thị trường phái sinh giảm 10,2%, đạt 211.346 hợp đồng/phiên. VN-Index tăng 12% so với đầu năm, đóng cửa tại 1.266,78 điểm, trong khi HNX-Index giảm 1,6% xuống 227,43 điểm và UPCoM-Index tăng 9% đạt 95,06 điểm. Tổng vốn hóa thị trường ước tính khoảng 7 triệu tỷ đồng. Dù ghi nhận sự tăng trưởng, năm 2024 cũng chứng kiến kỷ lục bán ròng hơn 93.000 tỷ đồng của nhà đầu tư nước ngoài, vượt mức cao nhất từng ghi nhận năm 2021.

Bên cạnh đó, so với khu vực Đông Nam Á, VN-Index có P/B cao hơn trung bình nhưng P/E lại thấp hơn, phản ánh hiệu suất sử dụng vốn vượt trội và triển vọng tăng trưởng lợi nhuận tích cực. Dự báo thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025 xoay quanh hai kịch bản chính: tích cực và tiêu cực.

Trong kịch bản tích cực, VN-Index được kỳ vọng tăng trưởng 13%-21% từ vùng đáy 1.165-1.198 điểm, hướng tới các mốc quan trọng như 1.345-1.435 điểm, nhờ vào chính sách điều hành kinh tế ổn định, tăng trưởng GDP khả quan, và tâm lý nhà đầu tư lạc quan. Đặc biệt, các ngành trụ cột như ngân hàng, bất động sản, dầu khí và công nghệ thông tin được dự báo tiếp tục phục hồi mạnh mẽ. Để xác nhận xu hướng tăng, VN-Index cần vượt mốc 1.310 điểm với thanh khoản trên 25.000 tỷ đồng/phiên.

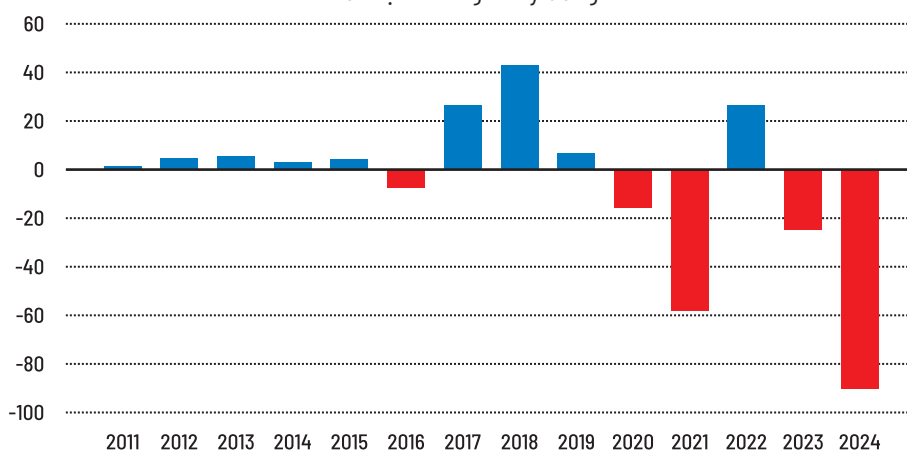
BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 1/2025

Trong kịch bản tiêu cực, thị trường có thể đối mặt với áp lực giảm điểm nếu xuất hiện các sự kiện bất ổn như căng thẳng địa chính trị, sự mạnh lên của đồng USD, hoặc khó khăn kinh tế toàn cầu, khiến VN-Index có nguy cơ phá đáy 1.198 điểm. Đồng thời, rủi ro từ thị trường bất động sản và trái phiếu cũng là yếu tố đáng lưu ý.

Nhìn chung, trong bối cảnh năm 2025, kịch bản tích cực đang được ưu tiên do triển vọng tăng trưởng kinh tế Việt Nam vẫn khả quan và sự hỗ trợ từ các chính sách điều hành.

KHỐI NGOẠI BÁN RÒNG KỶ LỤC TRONG NĂM 2024

Đơn vị tính: Nghìn tỷ đồng



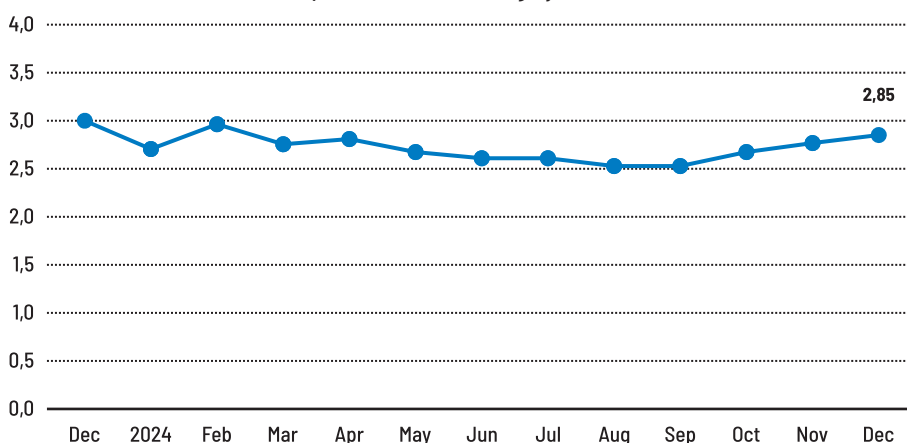
Nguồn: DNSE

1.2.5. Lạm phát

Lạm phát cơ bản tháng 12/2024 tăng 0,25% so với tháng trước, tăng 2,85% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân năm 2024, lạm phát cơ bản tăng 2,71% so với năm 2023, thấp hơn mức tăng CPI bình quân chung (3,63%), chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

DIỄN BIẾN LẠM PHÁT CƠ BẢN ĐẾN THÁNG 12/2024

Đơn vị tính: % (so với cùng kỳ năm trước)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

2.1. Về chủ trương, chính sách

▪ *Giảm 2% thuế VAT đến 30/6/2025*

Ngày 31/12/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 180 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng (VAT). Nghị định có hiệu lực từ 1/1/2025 đến hết ngày 30/6/2025. Với Nghị định 180, một số mặt hàng, dịch vụ được giảm 2% thuế giá trị gia tăng (VAT) đến ngày 30/6/2025.

Theo Nghị định 180, quy định giảm 2% VAT sẽ áp dụng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% (còn 8%). Quy định này không áp dụng cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ sau: Viễn thông, công nghệ thông tin, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại, sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hóa chất, sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Cơ sở kinh doanh tính VAT theo phương pháp khấu trừ được áp dụng mức thuế 8% với hàng hóa, dịch vụ. Cơ sở kinh doanh (gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh) tính VAT theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu được giảm 20% mức tỷ lệ % để tính thuế khi xuất hóa đơn cho hàng hóa, dịch vụ trong diện được giảm.

Theo Bộ Tài chính, việc kéo dài thời gian giảm 2% thuế VAT tới hết tháng 6 dự kiến làm giảm thu ngân sách khoảng 25.000 tỷ đồng (tương đương 4.175 tỷ đồng một tháng). Trong đó, giảm ở khâu nội địa dự kiến 2.500 tỷ mỗi tháng và khâu nhập khẩu khoảng 1.500 tỷ. Tuy nhiên, giảm 2% thuế VAT sẽ giúp người dân tiết kiệm được một khoản chi phí trong chi tiêu, sinh hoạt, từ đó kích cầu, tăng tiêu dùng, theo các chuyên gia. Bộ Tài chính cũng cho rằng việc này sẽ giúp sản xuất - kinh doanh sớm phục hồi, từ đó, đóng góp trở lại cho ngân sách nhà nước, nền kinh tế.

▪ *Tiếp tục giảm thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ, nhờn trong năm 2025*

Ngày 24/12/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Nghị quyết 60/2024/UBTVQH15 về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu, mỡ nhờn. Cụ thể từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025, mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu, mỡ nhờn tiếp tục giảm theo mức áp dụng trong năm 2024: thuế bảo vệ môi trường với các mặt hàng xăng (trừ etanol) là 2.000 đồng/lít; nhiên liệu bay, dầu diesel, dầu mazut, dầu nhờn là 1.000 đồng/lít; mỡ nhờn là 1.000 đồng/kg; dầu hỏa là 600 đồng/lít.

Mức thuế này tương tự như mức thuế được giảm tại Nghị quyết số 42/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội áp dụng trong năm 2024. So với mức thuế trước đó, mức thuế này giảm đến 50%.

Nghị quyết cũng quy định mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn từ ngày 1/1/2026 được thực hiện theo quy định tại Mục I khoản 1 Điều 1 của

Nghị quyết số 579/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về biểu thuế bảo vệ môi trường. Tức là từ 1/1/2026, mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng (trừ ethanol) là 4.000 đồng/lít; nhiên liệu bay là 3.000 đồng/lít; dầu diesel là 2.000 đồng/lít; dầu hỏa là 1000 đồng/lít; dầu mazut là 2.000 đồng/lít; dầu nhờn là 2.000 đồng/lít; mỡ nhờn là 2.000 đồng/kg. Nghị quyết số 60 có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2025, thay thế Nghị quyết số 42/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Theo Bộ Tài chính, với dự kiến sản lượng tiêu thụ xăng, dầu, mỡ nhờn năm 2025 tương đương năm 2024 và với mức thuế bảo vệ môi trường giảm như đề xuất, số thu thuế bảo vệ môi trường trong năm 2025 giảm khoảng 40.204 tỉ đồng. Tổng thu ngân sách nhà nước (bao gồm cả phần giảm thuế giá trị gia tăng) giảm khoảng 44.224 tỉ đồng.

▪ *Không vận chuyển thuốc nổ, khí đốt, xăng, dầu qua các công trình hầm dài từ 100m trở lên*

Ngày 18/12/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định (Nghị định số 161/2024/NĐ-CP) quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ.

Đáng chú ý, theo Nghị định, không được vận chuyển các loại thuốc nổ, khí đốt, xăng, dầu và các chất dễ cháy, nổ, chất rắn khử nhạy khác đi qua các công trình hầm có chiều dài từ 100m trở lên.

Cũng theo Nghị định, trên cùng một chuyến phà không vận chuyển đồng thời người tham gia giao thông hoặc hành khách (trừ người lái xe vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, người áp tải, người phục vụ trên phà) cùng với phương tiện (đã được cấp phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm) đang thực hiện vận chuyển các loại thuốc nổ, khí ga, xăng, dầu và các chất dễ cháy, nổ khác. Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2025.

2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Trong tháng 12/2024, các tổ chức quốc tế tiếp tục đưa ra những dự báo tích cực về tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

Ngày 2/12, Ngân hàng United Overseas Bank (UOB) giữ nguyên dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2024 của Việt Nam ở mức 6,4%, đồng thời kỳ vọng tăng trưởng năm 2025 sẽ đạt 6,6%. Đặc biệt, UOB dự báo tăng trưởng quý IV/2024 sẽ đạt mức 5,2% so với cùng kỳ năm trước.

Bổ sung cho quan điểm này, ngày 4/12, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) đưa ra dự báo lạc quan hơn, dự kiến GDP Việt Nam tăng 6,9% vào năm 2024 và đạt 6,5% trong các năm 2025 và 2026 nhờ vào sự phục hồi mạnh mẽ của thị trường lao động với tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống mức thấp kỷ lục 2,2%.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 1/2025

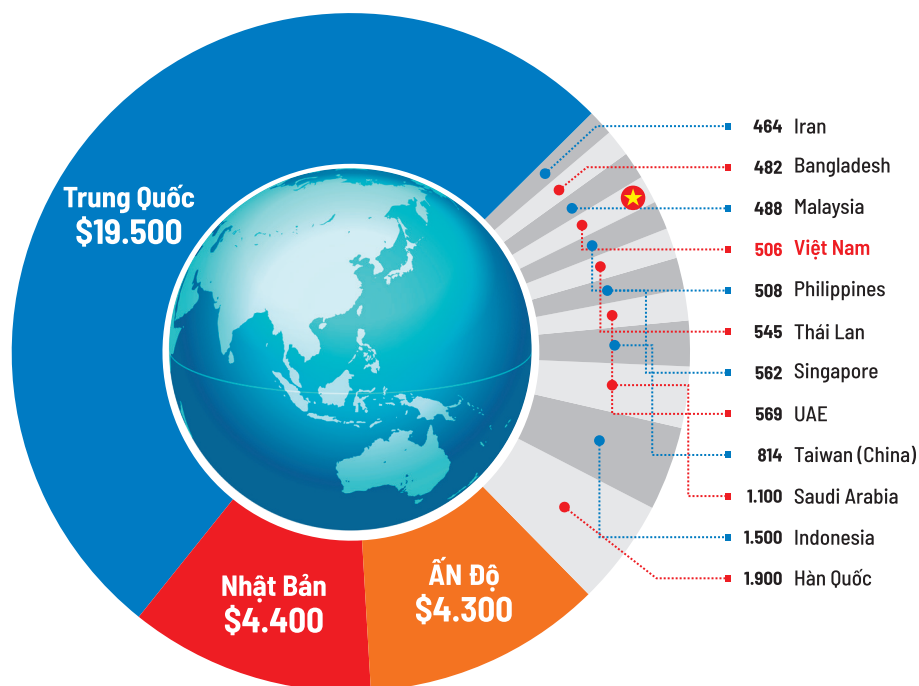
Bên cạnh đó, ngày 11/12, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) cũng nâng dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam lên 6,4% trong năm 2024 và 6,6% vào năm 2025, đánh dấu sự cải thiện đáng kể so với các mức dự báo trước đó.

Đồng quan điểm lạc quan về kinh tế Việt Nam, ngày 12/12, Ngân hàng Standard Chartered dự báo GDP Việt Nam năm 2025 sẽ tăng 6,7%, trong đó nửa đầu năm dự kiến tăng trưởng 7,5% và nửa cuối năm đạt 6,1%. Đáng chú ý, cùng ngày, Citi Bank đưa ra nhận định rằng nền kinh tế Việt Nam không chỉ tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2024 mà đà tăng trưởng này sẽ tiếp tục được duy trì trong trung và dài hạn, Citi Bank dự báo GDP Việt Nam năm 2025 có thể đạt 6,6%.

Ngoài ra, ngày 15/12, Tổ chức Seasia Stats dự báo GDP Việt Nam năm 2024 sẽ tăng trưởng 7%, thuộc nhóm các nền kinh tế tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới. Hơn nữa, Seasia Stats còn ước tính quy mô nền kinh tế Việt Nam năm 2025 có thể đạt khoảng 506 tỷ USD, đưa Việt Nam đứng thứ 12 châu Á.

DỰ BÁO TOP 15 NỀN KINH TẾ LỚN CHÂU Á NĂM 2025

Đơn vị tính: Tỷ USD



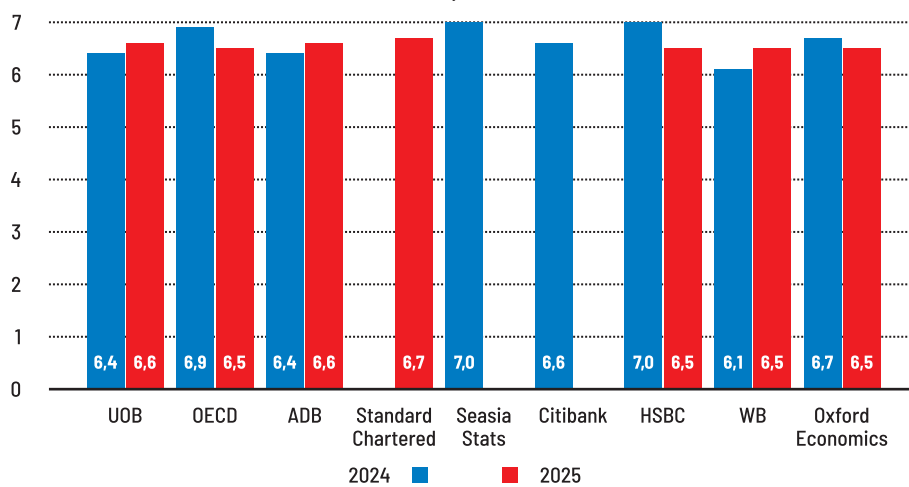
Nguồn: Seasia Stats

Đặc biệt, ngày 20/12, Ngân hàng Hong Kong and Shanghai Banking (HSBC) đã nâng dự báo tăng trưởng GDP năm 2024 lên 7%, từ mức 6,5% trước đó, đồng thời duy trì dự báo năm 2025 ở mức 6,5%.

Ngoài ra, các tổ chức như Ngân hàng Thế giới (WB) và Oxford Economics cũng thể hiện quan điểm tương tự trong tháng qua. Trong đó, WB dự báo GDP Việt Nam sẽ đạt 6,1% trong năm 2024 và tăng lên 6,5% vào năm 2025. Oxford Economics dự báo GDP Việt Nam sẽ đạt 6,7% trong năm 2024 và 6,5% vào năm 2025.

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG GDP VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2024 -2025

Đơn vị tính: %



Nguồn: Vibiz tổng hợp



THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO

1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

1.1. Thông tin trong kỳ

1.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ *Cung dầu mỏ*

Tình hình cung dầu mỏ toàn cầu trong tháng 12/2024 diễn ra phức tạp với những gián đoạn tại Nga, Syria và châu Âu, trong khi một số quốc gia như Mỹ và Iran ghi nhận sự phục hồi và tăng trưởng sản lượng, phản ánh sự mất cân đối và bất ổn trong thị trường dầu mỏ quốc tế.

Lượng dầu thô xuất khẩu của Nga qua đường biển giảm đáng kể do hoạt động bảo trì tại cảng Primorsk ở Baltic, cùng với áp lực từ hạn ngạch OPEC+ và các biện pháp trừng phạt gia tăng.

Bên cạnh đó, đường ống Druzhba, tuyến dẫn dầu lâu đời từ Nga sang châu Âu, đã ngừng hoạt động, khiến các quốc gia như Hungary, Slovakia và Cộng hòa Séc đối mặt với tình trạng thiếu hụt nguồn cung.

Tại Syria, cuộc khủng hoảng nguồn cung dầu thêm trầm trọng khi Iraq quyết định cắt giảm xuất khẩu dầu thô, khiến nước này rơi vào tình trạng khan hiếm nghiêm trọng hơn.

Trong khi đó, sản lượng dầu của Mỹ tiếp tục đạt kỷ lục mới, phản ánh khả năng khai thác mạnh mẽ và các công nghệ hiện đại.

Đặc biệt, xuất khẩu dầu thô của Iran phục hồi đáng kể vào nửa cuối tháng 12, nhờ sự cải thiện trong hoạt động vận chuyển và khai thác.

▪ *Cầu dầu mỏ*

Nhu cầu dầu mỏ toàn cầu tiếp tục duy trì ở mức cao trong tháng 12, được thúc đẩy bởi sự tăng trưởng mạnh mẽ từ châu Á và châu Âu.

Tại Trung Quốc, mùa đông lạnh giá cùng với sự khan hiếm và giá cao của dầu Iran và Nga đã khiến các nhà máy lọc dầu tăng cường nhập khẩu dầu từ Trung Đông, khu vực chiếm 60% lượng dầu nhập khẩu qua đường biển của quốc gia này.

Tại Ấn Độ cũng ghi nhận sự tăng đột biến trong nhu cầu xăng và dầu diesel do kỳ nghỉ lễ, với mức tiêu thụ tăng lần lượt 9,8% và 4,9%. Quốc gia này đã đẩy mạnh nhập khẩu dầu thô từ Trung Đông để bù đắp sự sụt giảm nguồn cung từ Nga.

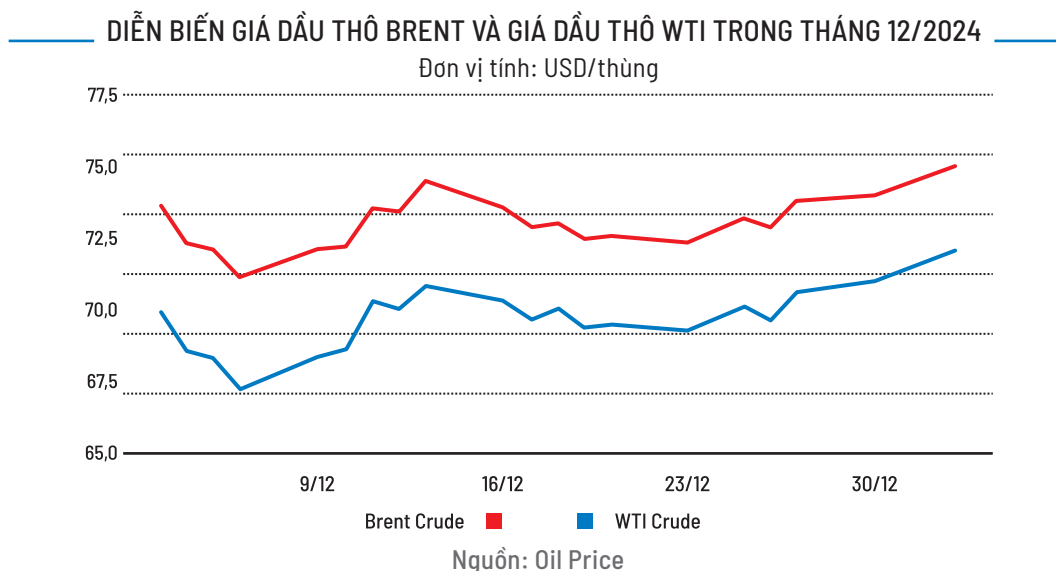
Bên cạnh đó, Hàn Quốc, quốc gia đứng thứ hai về nhập khẩu dầu Mỹ, cũng tăng cường nhập khẩu để bù đắp sự thiếu hụt từ Kazakhstan.

Tại châu Âu, nhu cầu ổn định trong các ngành công nghiệp và việc tìm kiếm các nguồn cung thay thế đã giúp Mỹ trở thành thị trường xuất khẩu dầu thô lớn nhất của khu vực.

Ngược lại, Cuba đối mặt với cuộc khủng hoảng nhiên liệu nghiêm trọng, khi nguồn cung không đáp ứng đủ nhu cầu, khiến người dân phải xếp hàng dài tại các trạm xăng.

▪ *Diễn biến giá*

Trong tháng 12, giá dầu thế giới ghi nhận nhiều biến động đáng chú ý. Giá dầu Brent và WTI đều có xu hướng tăng mạnh vào cuối tháng sau khi Liên minh châu Âu (EU) thông qua các lệnh trừng phạt mới, làm gia tăng lo ngại về nguồn cung dầu từ Nga. Tuy nhiên, đà tăng này đã bị kìm hãm bởi báo cáo dự trữ nhiên liệu tại Mỹ tăng mạnh hơn dự báo, phản ánh nhu cầu tiêu thụ có thể giảm. Đồng thời, sự gia tăng sản lượng từ các quốc gia ngoài OPEC, đặc biệt là Mỹ, cũng góp phần gây áp lực lên giá dầu.



Bên cạnh đó, so với mức đóng cửa cuối năm 2023, giá dầu Brent đã giảm khoảng 3% từ mức 77,04 USD/thùng, trong khi giá WTI gần như không thay đổi. Nguyên nhân chính đến từ sự phục hồi nhu cầu sau đại dịch bị đình trệ, nền kinh tế Trung Quốc gặp khó khăn và Mỹ cùng các nhà sản xuất ngoài OPEC gia tăng sản lượng, khiến thị trường toàn cầu dư cung.

1.1.2. Thị trường trong nước

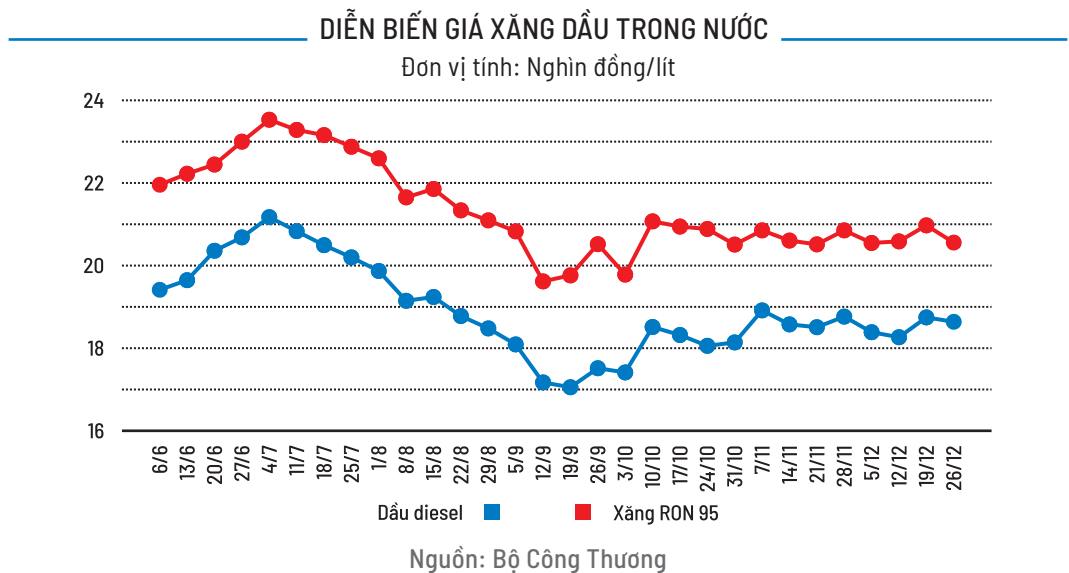
Tình hình cung ứng xăng dầu trong nước trong tháng 12 tiếp tục duy trì ổn định, nhờ sự phối hợp chặt chẽ giữa các doanh nghiệp đầu mối và hệ thống phân phối.

Chiết khấu xăng dầu tại nhiều kho dao động trong khoảng 1.000 - 1.200 đồng/lít, cao hơn so với các tháng trước, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp bán lẻ.

Trong tháng, giá xăng tăng 1,21% và giá dầu mỡ nhờn tăng 0,16% so với tháng trước, phản ánh sự điều chỉnh giá từ các kỳ điều hành. Ngược lại, giá dầu diesel giảm nhẹ 0,07% so với tháng trước do các yếu tố cung cầu và biến động thị trường quốc tế.

Tính từ đầu năm 2024 đến nay, giá xăng dầu trong nước đã trải qua 51 kỳ điều chỉnh, trong đó giá xăng có 24 lần tăng và 27 lần giảm, còn giá dầu diesel (dầu DO) có 21 lần tăng và 30 lần giảm.

Nhìn chung, thị trường xăng dầu tháng 12 cho thấy sự ổn định tương đối về nguồn cung, góp phần đảm bảo hoạt động sản xuất và tiêu dùng trong nước, đặc biệt vào thời điểm cuối năm.



1.2. Dự báo

1.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ *Cung dầu mỏ*

Nguồn cung dầu mỏ toàn cầu trong thời gian tới dự kiến sẽ tiếp tục biến động mạnh do sự tác động của nhiều yếu tố. Nga đã gia hạn các biện pháp đáp trả việc áp đặt giá trần dầu mỏ của phương Tây đến ngày 30/6/2025, bao gồm việc cấm cung cấp dầu nếu các hợp đồng liên quan đến giá trần. Quyết định này có thể gây sức ép lên nguồn cung dầu từ Nga trong ngắn hạn.

Ngày 5/12, Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ và đồng minh (OPEC+) thông báo hoãn kế hoạch tăng sản lượng dầu, kéo dài các hạn ngạch sản xuất đến tháng 4/2025 và gia hạn cắt giảm sản lượng đến cuối năm 2026. Quyết định này được đưa ra trong bối cảnh nhu cầu nhiên liệu toàn cầu suy yếu và nguồn cung từ các nước ngoài OPEC+ tăng cao, làm tăng khả năng dư thừa nguồn cung trong những năm tới.

Tuy nhiên, ngày 10/12, *Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo nguồn cung dầu mỏ thế giới sẽ dồi dào vào năm 2025, với mức tăng 1,9 triệu thùng/ngày*, chủ yếu nhờ sự đóng góp từ các quốc gia ngoài OPEC+ như Hoa Kỳ, Brazil, Guyana, Canada và Argentina.

Ngày 12/12, *Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) cũng điều chỉnh giảm dự báo sản lượng dầu toàn cầu năm 2025 từ 104,7 triệu thùng/ngày xuống 104,2 triệu thùng/ngày*, cho thấy sự thận trọng trước các yếu tố bất ổn.

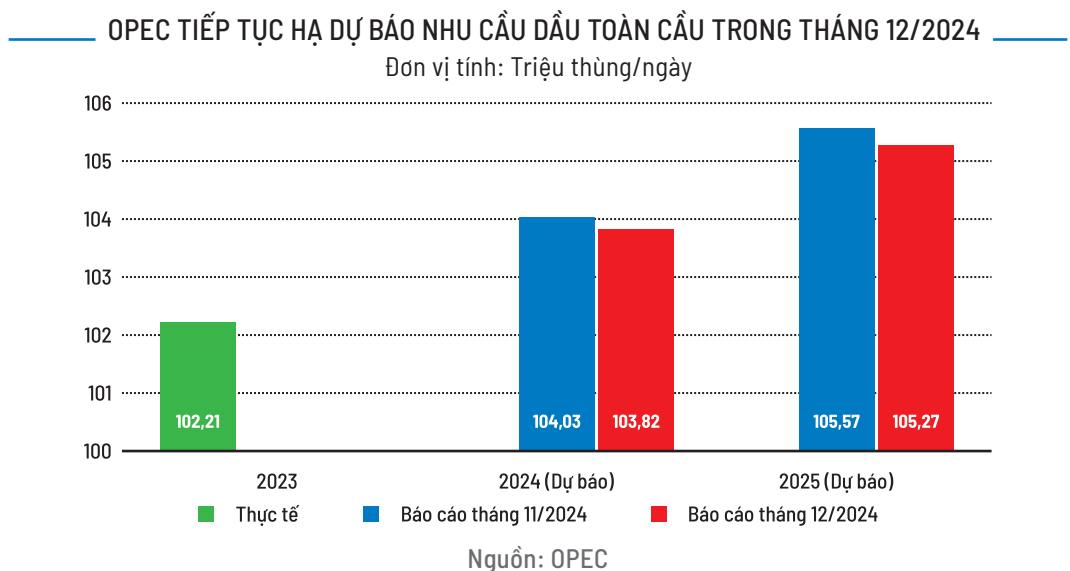
Nhìn chung, nguồn cung dầu mỏ toàn cầu giai đoạn tới sẽ chịu sự chi phối bởi các quyết sách từ OPEC+, động thái từ Nga và sự gia tăng sản lượng từ các quốc gia ngoài OPEC+. Sự dồi dào nguồn cung dự kiến có thể gây áp lực giảm giá dầu trong trung hạn, đặc biệt nếu nhu cầu tiêu thụ không có sự phục hồi mạnh mẽ.

▪ *Cầu dầu mỏ*

Trong tháng 12, các tổ chức quốc tế đã công bố những điều chỉnh dự báo, phản ánh áp lực lên nhu cầu dầu toàn cầu do xu hướng chuyển đổi năng lượng, song mức tiêu thụ vẫn được duy trì ở mức cao nhờ vào sự tăng trưởng mạnh mẽ của các nền kinh tế châu Á.

Ngày 10/12, *EIA dự báo tiêu thụ dầu toàn cầu dự kiến sẽ vượt sản lượng khoảng 100.000 thùng/ngày vào năm 2025, với mức tiêu thụ trung bình đạt 104,3 triệu thùng/ngày*, giảm nhẹ so với dự báo trước đó là 104,4 triệu thùng/ngày. Sự sụt giảm nhỏ này được cho là do xu hướng thúc đẩy năng lượng tái tạo, dù các nền kinh tế lớn như Trung Quốc và Ấn Độ vẫn đóng vai trò chính trong việc duy trì sự ổn định của nhu cầu dầu.

Bên cạnh đó, ngày 11/12, Tổ chức Các Nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) tiếp tục hạ dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu toàn cầu trong năm 2024, đánh dấu tháng thứ 5 liên tiếp tổ chức này điều chỉnh giảm dự báo. *OPEC ước tính nhu cầu dầu năm 2024 sẽ đạt 103,82 triệu thùng/ngày, tăng 1,61 triệu thùng/ngày so với năm 2023, nhưng thấp hơn mức dự báo 104,03 triệu thùng/ngày được đưa ra vào tháng trước.*



Trong khi đó, ngày 12/12, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu mỏ toàn cầu sẽ tăng từ 840.000 thùng/ngày trong năm 2024 lên 1,1 triệu thùng/ngày vào năm 2025, đẩy tổng mức tiêu thụ lên 103,9 triệu thùng/ngày. IEA nhận định châu Á sẽ dẫn dắt xu hướng tăng trưởng nhu cầu dầu, dù nhu cầu tại các quốc gia thành viên OECD và đặc biệt ở Trung Quốc có dấu hiệu chậm lại đáng kể.

▪ **Diễn biến giá**

Trong tháng qua, đa số các tổ chức quốc tế đều dự báo giá dầu trong thời gian tới có xu hướng giảm so với hiện tại, bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như địa chính trị, nhu cầu toàn cầu suy yếu và các chính sách thương mại.

EIA dự báo giá dầu Brent giao ngay trung bình đạt 80,49 USD/thùng trong năm 2024 và giảm xuống 73,58 USD/thùng vào năm 2025. EIA cảnh báo rằng xung đột ở Trung Đông và sự cam kết của OPEC+ trong việc duy trì cắt giảm sản lượng tự nguyện là hai yếu tố chính tiếp tục gây ra sự bất ổn cho giá dầu. Ngoài ra, nhu cầu dầu toàn cầu suy yếu, đặc biệt tại Trung Quốc, cũng tạo áp lực giảm giá.

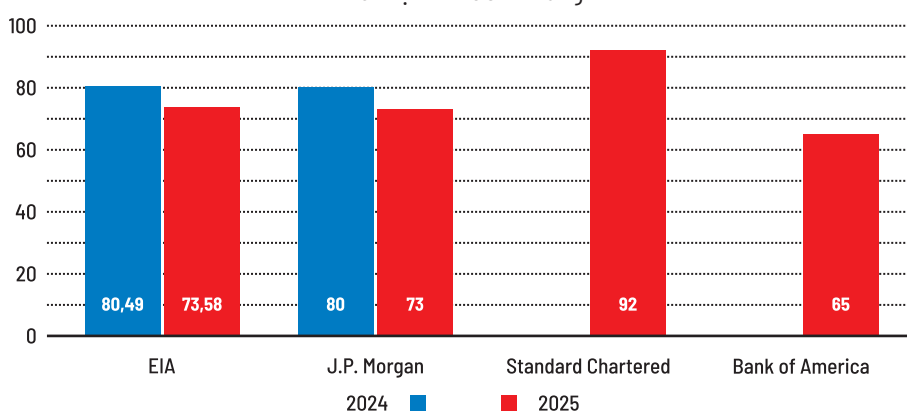
Bên cạnh đó, ngày 6/12, J.P. Morgan dự báo giá dầu Brent sẽ trung bình 80 USD/thùng trong năm 2024 và 73 USD/thùng trong năm 2025, với xu hướng dao động từ 74 USD/thùng vào cuối năm 2024 và đầu năm 2025, tăng lên 77 USD/thùng vào quý 2/2025 trước khi giảm dần còn 69 USD/thùng vào cuối năm 2025.

Cũng trong tháng qua, Ngân hàng *Standard Chartered* đưa ra dự báo tích cực hơn, với giá dầu Brent trung bình 92 USD/thùng trong năm 2025, sau khi đạt đỉnh 95 USD/thùng vào quý 3/2025.

Ngoài ra, với quan điểm khá thận trọng, Ngân hàng *Bank of America* dự báo giá dầu WTI sẽ trung bình ở mức 61 USD/thùng vào năm 2025, trong khi giá dầu Brent sẽ trung bình 65 USD/thùng, tăng hơn 10% so với mức giá hiện tại. Những yếu tố như chính sách thương mại biến động, đặc biệt là căng thẳng giữa Mỹ và Trung Quốc, có thể tiếp tục tạo áp lực lên giá dầu, đặc biệt đối với thị trường nội địa Hoa Kỳ, khiến giá dầu WTI có nguy cơ giảm thấp hơn so với Brent trên toàn cầu.

DỰ BÁO GIÁ DẦU BRENT CỦA MỘT SỐ TỔ CHỨC TRÊN THẾ GIỚI

Đơn vị tính: USD/thùng



Nguồn: Vibiz tổng hợp

1.2.2. Thị trường trong nước

▪ **Cung dầu mỏ**

Về cung ứng, Việt Nam sẽ tiếp tục phụ thuộc vào nhập khẩu xăng dầu trong thời gian tới, nhất là đối với các sản phẩm dầu mỏ thành phẩm như xăng và diesel. Tuy nhiên, với việc tăng cường đầu tư vào cơ sở hạ tầng lọc dầu trong nước, đặc biệt là các dự án mở rộng và nâng cấp các nhà máy lọc dầu như Nhà máy Lọc dầu Dung Quất và Nghi Sơn, cung ứng xăng dầu trong nước có thể cải thiện và giảm dần sự phụ thuộc vào nhập khẩu.

Bên cạnh đó, ước tính rằng mức chi tiêu đối với hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí (E&P) trong nước sẽ cải thiện 14% trong năm 2024 lên mức 0,8 tỷ USD, sau đó sẽ tiếp tục tăng lên mức 1,3 tỷ USD trong năm 2025, tăng 63% so với năm trước. Mức chi tiêu này dự kiến sẽ đạt đỉnh ở mức 2,8 tỷ USD trong năm 2027, phản ánh sự tập trung đầu tư vào ngành dầu khí trong nước, giúp tăng cường sản lượng và giảm sự phụ thuộc vào nhập khẩu, đồng thời đóng góp vào sự ổn định và phát triển của thị trường xăng dầu.

Mặc dù vậy, những biến động về giá dầu thế giới và tình hình chính trị khu vực vẫn có thể tác động lớn đến thị trường xăng dầu trong nước.

▪ *Cầu dầu mỏ*

Dự báo nhu cầu và cung ứng xăng dầu của Việt Nam trong năm 2025 sẽ tiếp tục chịu sự chi phối từ nhiều yếu tố trong và ngoài nước. Nhu cầu xăng dầu trong nước dự báo sẽ tăng trưởng nhẹ nhờ sự phục hồi kinh tế và các ngành công nghiệp, giao thông vận tải và năng lượng. Tuy nhiên, với xu hướng chuyển dịch sang năng lượng tái tạo và việc tăng cường sử dụng xe điện, tốc độ tăng trưởng nhu cầu xăng dầu có thể chậm lại so với các năm trước.

▪ *Diễn biến giá*

Dự báo giá xăng dầu tại Việt Nam trong năm 2025 sẽ phụ thuộc vào biến động giá dầu thế giới, đặc biệt là dầu Brent và WTI, cùng với các yếu tố địa chính trị như xung đột ở Trung Đông và chính sách OPEC+. Giá xăng dầu trong nước có thể dao động trong khoảng 80-95 USD/thùng, với sự điều chỉnh giá thông qua Quỹ Bình ổn giá. Mặc dù giá có thể tăng do các yếu tố toàn cầu, chính phủ vẫn sẽ duy trì sự ổn định giá trong nước.

2. THỊ TRƯỜNG KHÍ

2.1. Thông tin trong kỳ

2.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ *Cung khí*

Trong tháng 12, tình hình cung cấp khí toàn cầu có sự biến động mạnh mẽ, đặc biệt là trong bối cảnh các yếu tố địa chính trị và nhu cầu tích trữ khí đốt tăng cao ở các khu vực chủ chốt.

Xuất khẩu LNG của Mỹ đạt gần mức kỷ lục trong tháng 12, nhờ vào sự đi vào hoạt động của hai nhà máy mới, đẩy tổng xuất khẩu LNG của Mỹ trong năm 2024 tăng 4,5% so với năm 2023, giữ vững vị thế là nhà xuất khẩu LNG lớn nhất thế giới. Tình hình này có ảnh hưởng tích cực đến các quốc gia đang tìm kiếm nguồn cung khí đốt thay thế, như Ukraine, quốc gia đã nhận được lô LNG đầu tiên từ Mỹ, mở ra triển vọng mới trong việc giảm sự phụ thuộc vào khí đốt của Nga.

Bên cạnh đó, tình hình cung cấp khí đốt qua đường ống của Nga đến châu Âu vẫn ổn định trong suốt tháng 12, với các quốc gia như Áo, Slovakia và Cộng hòa Séc không gặp gián đoạn nguồn cung. Mặc dù vậy, thỏa thuận trung chuyển khí đốt qua Ukraine hết hạn vào ngày 31/12/2024 và Ukraine không gia hạn thỏa thuận này, khiến việc giao hàng qua đường ống Nga đến châu Âu dừng lại từ ngày 1/1/2025. Tình hình này đang tạo ra sức ép lớn đối với các quốc gia châu Âu trong việc tìm kiếm các nguồn cung khí đốt thay thế và tăng cường sự đa dạng hóa nguồn cung khí đốt toàn cầu.

▪ *Cầu khí*

Nhu cầu khí đốt toàn cầu tăng mạnh trong tháng 12, đặc biệt tại Mỹ và châu Âu, do các đợt lạnh kéo dài và sự suy giảm sản lượng điện từ năng lượng tái tạo như điện gió.

Bên cạnh đó, căng thẳng địa chính trị giữa Nga và Ukraine vẫn tác động lớn đến nguồn cung khí đốt, với việc Nga tạm dừng cung cấp qua Ukraine khi hết năm 2024, khiến các quốc gia châu Âu phải tìm kiếm các nguồn cung thay thế, đẩy nhu cầu tích trữ khí đốt tăng cao.

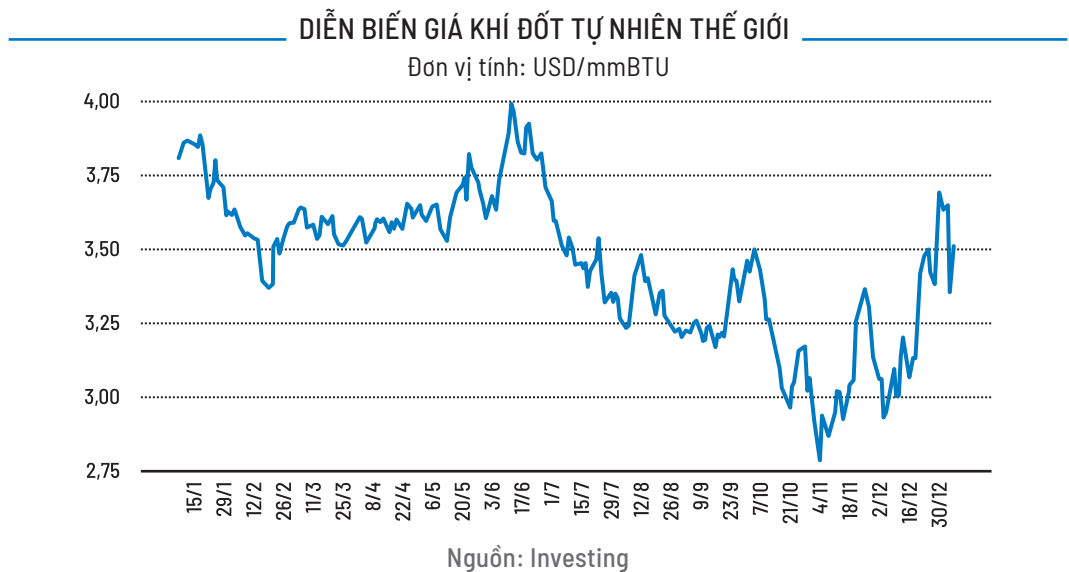
Tại Mỹ, giá khí đốt tự nhiên đã tăng mạnh do nhu cầu sưởi ấm gia tăng, trong khi ở Iran, thiếu hụt khí đốt đã buộc chính phủ phải cắt giảm cung cấp cho các nhà máy điện, gây gián đoạn sản xuất.

Trong khi đó, Moldova đã tuyên bố tình trạng khẩn cấp quốc gia kéo dài 60 ngày do sự gián đoạn nguồn cung khí đốt từ Nga do việc cung cấp khí đốt qua đường ống của Nga sẽ tạm ngừng, gây ra tình trạng thiếu hụt nghiêm trọng trong nước.

Uzbekistan cũng đang đối mặt với tình trạng thiếu khí đốt ngày càng nghiêm trọng, buộc phải tìm kiếm các nguồn nhiên liệu thay thế như củi và các dạng nhiên liệu hóa thạch khác để duy trì sinh hoạt. Sự thiếu hụt này đã dẫn đến một làn sóng tăng giá năng lượng và gây ra tình trạng bất ổn trong cộng đồng, khi nhu cầu sưởi ấm và năng lượng ngày càng tăng trong mùa đông khắc nghiệt.

▪ **Diễn biến giá**

Giá khí đốt tự nhiên trên toàn cầu có xu hướng tăng mạnh trong tháng 12, nguyên nhân do tình trạng thiếu hụt nguồn cung và nhu cầu tiêu thụ tăng cao trong mùa đông, đặc biệt là ở châu Âu và Bắc Mỹ, khiến nhu cầu sưởi ấm tăng mạnh. Bên cạnh đó, các vấn đề liên quan đến địa chính trị, như cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine, cùng với các lệnh trừng phạt kinh tế, đã làm trầm trọng thêm tình trạng gián đoạn nguồn cung khí đốt từ các khu vực sản xuất lớn, đẩy giá khí đốt lên cao. Ngoài ra, mức dự trữ khí đốt của châu Âu đang ở mức khá thấp cũng góp phần tạo thêm áp lực lên giá khí đốt trên thị trường.



2.1.2. Thị trường trong nước

Trong tháng 12, giá khí gas tại Việt Nam duy trì ổn định so với tháng 11, với giá gas bán lẻ giữ nguyên ở mức 446.000 đồng/bình 12kg. Nguyên nhân chính là hợp đồng giá gas thế giới trung bình tháng 12 đạt 632,5 USD/tấn, không có sự thay đổi so với tháng trước. Việc duy trì giá gas ổn định trong tháng cuối năm giúp giảm bớt gánh nặng chi tiêu cho các hộ gia đình và hỗ trợ các ngành công nghiệp sử dụng năng lượng khí, giúp họ giảm chi phí vận hành trong dịp cuối năm.

Tính từ đầu năm đến nay, giá gas bán lẻ tại Việt Nam đã có 7 lần tăng, 3 lần giảm và 2 lần giữ nguyên, cho thấy sự biến động không nhỏ của thị trường khí, đặc biệt là khi phụ thuộc vào các giao dịch ngắn hạn như hiện nay.

Bên cạnh đó, Việt Nam hiện đang trong giai đoạn phụ thuộc hoàn toàn vào việc nhập khẩu LNG và chưa phát triển được các cơ sở khai thác và hóa lỏng khí trong nước. Điều này khiến thị trường LNG trong nước chịu sự biến động mạnh từ các giao dịch LNG giao ngay và các yếu tố từ thị trường quốc tế. Dù giá LNG không có sự thay đổi lớn trong tháng 12, song việc chưa ký kết hợp đồng mua bán LNG dài hạn khiến giá khí đốt vẫn dễ bị ảnh hưởng bởi các chính sách xuất nhập khẩu của các quốc gia cung cấp LNG và các biến động về giá nhiên liệu toàn cầu.

2.2. Dự báo

2.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ *Cung khí*

Dự báo nguồn cung khí đốt toàn cầu trong giai đoạn 2025 - 2027 sẽ phải đối mặt với tình trạng thiếu hụt thay vì sự dư thừa như những dự báo trước đây, chủ yếu do sự thay đổi trong các yếu tố cung cấp khí đốt.

Một trong những yếu tố quan trọng là Ukraine đã quyết định ngừng trung chuyển khí đốt của Nga từ ngày 1/1/2025, điều này đánh dấu sự chấm dứt của nhiều thập kỷ trung chuyển khí qua đường ống này.

Mặc dù một số quốc gia như Hungary vẫn sẽ tiếp tục nhận khí đốt của Nga qua đường ống TurkStream, tuy nhiên các quốc gia khác như Áo và Slovakia đang tìm kiếm các nguồn cung thay thế từ các nguồn khí đốt khác. Sự gián đoạn này cùng với tình trạng căng thẳng chính trị đã làm gia tăng nguy cơ thiếu hụt khí đốt tại châu Âu.

Ngoài ra, tình hình khủng hoảng năng lượng toàn cầu có thể dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt hơn giữa các thị trường khí đốt châu Âu và châu Á, dẫn đến thiếu hụt nguồn cung khí nghiêm trọng.

▪ *Cầu khí*

Dự báo nhu cầu khí đốt toàn cầu trong thời gian tới có xu hướng tăng mạnh, đặc biệt là đối với khí tự nhiên và khí tự nhiên hóa lỏng (LNG), khi nhu cầu từ các thị trường lớn như châu Á và châu Âu tiếp tục gia tăng. Mức tăng trưởng toàn cầu đối với khí tự nhiên dự kiến sẽ ổn định, đạt khoảng 2,6% vào năm 2025, cao hơn so với mức tăng trưởng 2,3% của năm nay.

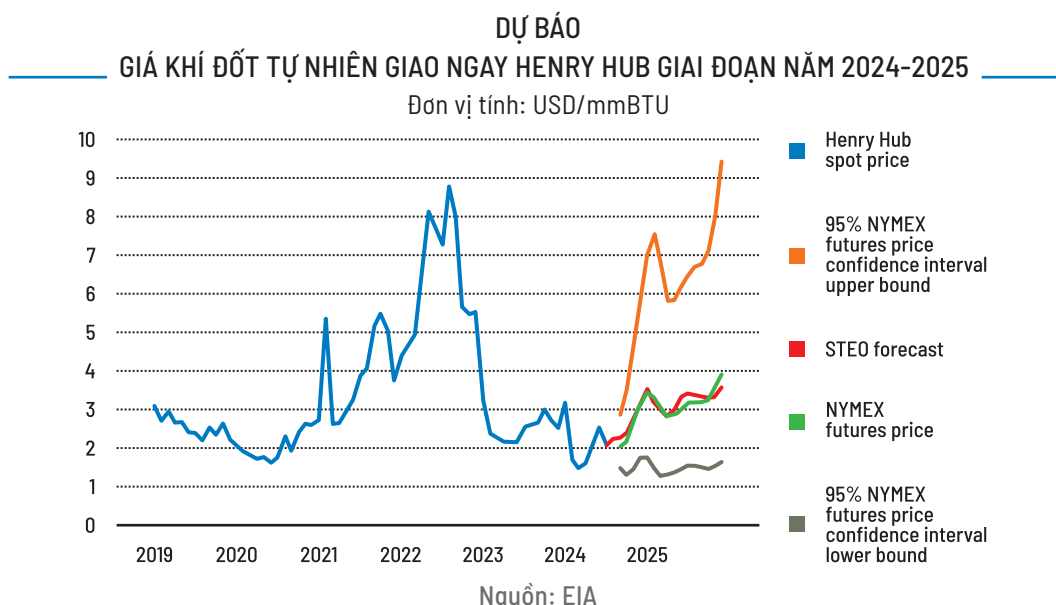
Bên cạnh đó, khí LNG sẽ vẫn là động lực chính, nhờ vào nhu cầu mạnh mẽ từ các quốc gia châu Âu và châu Á, cùng với sự gia tăng công suất xuất khẩu toàn cầu. Tuy nhiên, những yếu tố như các rào cản thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc có thể tác động đến xu hướng này.

Tại châu Âu, nhập khẩu LNG dự kiến sẽ tăng 2,4% vào năm 2025, chủ yếu do sản lượng trong khu vực giảm hơn là mức tiêu thụ tăng. Điều này tạo ra áp lực lớn đối với thị trường khí đốt toàn cầu, khi các quốc gia phải tìm kiếm nguồn cung thay thế khí đốt từ Nga để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao.

▪ **Diễn biến giá**

Ngày 10/12, Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) đã đưa ra dự báo về giá khí đốt toàn cầu trong thời gian tới, với giá giao ngay của khí Henry Hub dự kiến sẽ đạt mức trung bình khoảng 3,00 USD/MMBtu trong suốt thời gian còn lại của mùa đông năm nay, kết thúc vào tháng 3/2025.

Sau khi kết thúc mùa đông, giá khí được dự báo sẽ giảm nhẹ và duy trì dưới mức 3,00 USD/MMBtu trong suốt năm 2025. Sự điều chỉnh này phản ánh tình hình cung cầu trên thị trường khí đốt toàn cầu, trong đó các yếu tố như nhu cầu sưởi ấm mùa đông, sản lượng khai thác và các yếu tố địa chính trị có thể tác động đến sự biến động giá khí trong thời gian tới.



2.2.2. Thị trường trong nước

Nguồn cung khí tự nhiên của Việt Nam đang đối mặt với nguy cơ cạn kiệt do trữ lượng tại các mỏ khí lớn như Bạch Hổ, Nam Côn Sơn và Cửu Long dần suy giảm sau nhiều năm khai thác. Theo các chuyên gia, sản lượng khí tự nhiên khai thác hàng năm đã giảm đáng kể, trong khi nhu cầu tiêu thụ khí cho sản xuất điện, công nghiệp và dân dụng ngày càng tăng. Do đó, dự báo thị trường khí LNG Việt Nam sẽ có sự phát triển mạnh mẽ trong những năm tới, đặc biệt là khi nhu cầu LNG ngày càng tăng cao do nhu cầu năng lượng ngày càng lớn và mục tiêu chuyển đổi năng lượng để đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

Nhu cầu LNG của Việt Nam dự kiến sẽ đạt từ 15-20 MTPA vào năm 2030 và từ 20-25 MTPA vào năm 2035.

Bên cạnh đó, các nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và 4, những dự án nhiệt điện khí LNG đầu tiên tại Việt Nam, sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng nhu cầu LNG, tạo ra cơ sở hạ tầng vững chắc và hấp dẫn cho các nhà đầu tư quốc tế.

Tuy nhiên, Việt Nam hiện vẫn chủ yếu nhập khẩu và tiêu thụ LNG mà chưa phát triển được các cơ sở khai thác và hóa lỏng, dẫn đến sự phụ thuộc vào các nhà cung cấp LNG nước ngoài và các giao dịch LNG ngắn hạn. Điều này khiến giá LNG thường xuyên biến động, gây áp lực lên chi phí năng lượng của các nhà máy và cơ sở công nghiệp.

Trong khi đó, việc giá LNG nhập khẩu dự báo sẽ tăng 6% trong năm 2025, đạt mức 14 USD/triệu BTU, sẽ tạo thêm gánh nặng chi phí cho các nhà máy nhiệt điện khí trong ngắn hạn, mặc dù tình hình này có thể giảm dần từ năm 2027 khi các dự án hạ tầng được hoàn thiện và tình hình cung ứng khí LNG ổn định hơn.

3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

3.1. Thông tin trong kỳ

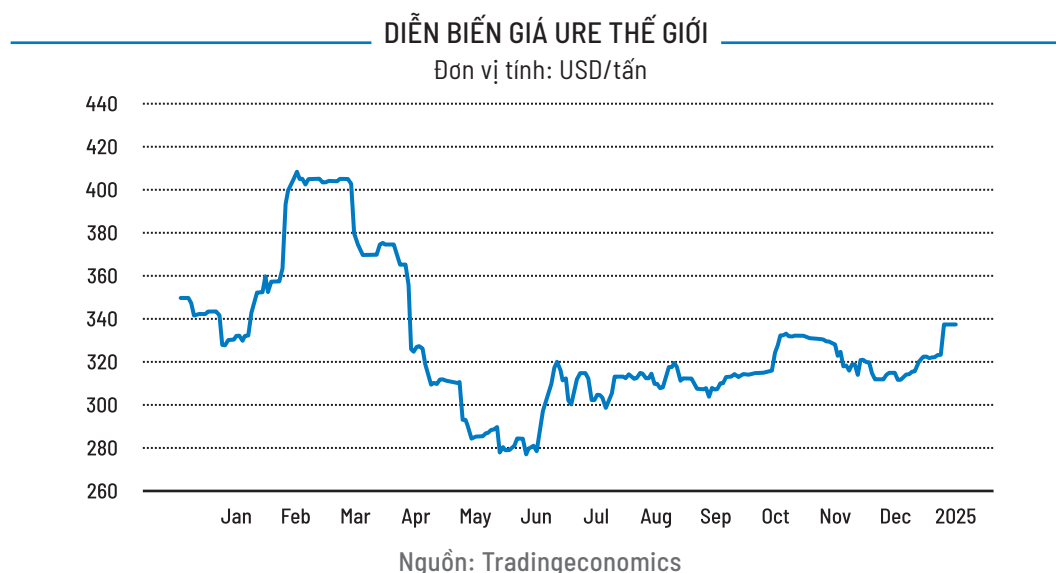
3.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Thị trường phân bón toàn cầu trong tháng 12 cho thấy xu hướng phục hồi tích cực, mặc dù vẫn đối mặt với những thách thức về giá cả và điều kiện thời tiết không thuận lợi ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.

Trung Quốc đã hạn chế xuất khẩu phân DAP kể từ tháng 12, do giá bán trong nước tăng cao, khiến một số quốc gia nhập khẩu phải tìm kiếm các nguồn cung thay thế.

Mặc dù vậy, thị trường phân bón vẫn duy trì sự ổn định nhờ vào các chiến lược thay thế nguồn cung từ các quốc gia khác. Bên cạnh đó, giá phân ure thế giới được hỗ trợ tăng khi Ấn Độ thông báo mở thầu nhập khẩu ure, gia tăng nhu cầu tiêu thụ tại thị trường lớn này.

Giá phân ure toàn cầu trong tháng qua có xu hướng tăng mạnh so với các tháng trước đó, chủ yếu do sự gia tăng nhu cầu từ các thị trường lớn như Ấn Độ và các quốc gia châu Á khác. Sự phục hồi trong sản xuất nông nghiệp và nhu cầu cao từ các khu vực tiêu thụ chính đã đẩy giá lên, đặc biệt sau khi Ấn Độ thông báo mở thầu nhập khẩu ure. Bên cạnh đó, việc hạn chế xuất khẩu ure từ các quốc gia sản xuất lớn cũng góp phần làm tăng giá ure trên thị trường.



3.1.2. Thị trường trong nước

Thị trường phân bón tại Việt Nam trong tháng 12 ghi nhận những biến động nhất định, với giá phân bón có xu hướng tăng nhẹ, đặc biệt là phân ure và DAP.

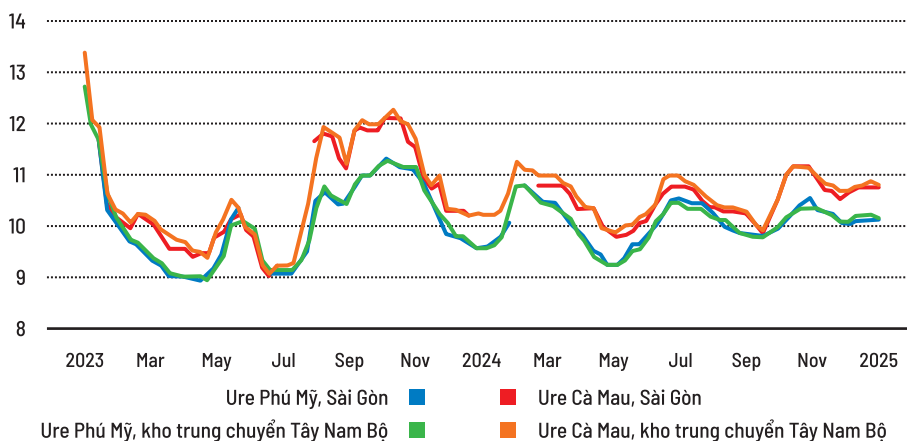
Các nhà sản xuất, thương nhân và đại lý giữ mức chào giá ure không đổi so với tuần trước, nhưng giá ure nhập khẩu từ Malaysia đã tăng 400 đồng/kg do giá thế giới tăng và nguồn cung không dồi dào.

Tương tự, giá DAP cũng tiếp tục tăng 300-500 đồng/kg, khi các thương nhân lo ngại lượng DAP từ Trung Quốc về Việt Nam trong nửa cuối tháng 12 và đầu tháng 1 sẽ bị hạn chế.

Chào giá phân ure Phú Mỹ và Cà Mau cũng tăng 75-300 đồng/kg nhờ sự hỗ trợ từ xu hướng giá thế giới và nhu cầu nội địa tăng mạnh cho vụ lúa Đông Xuân 2024-2025 tại Đồng bằng sông Cửu Long. Tuy nhiên, thị trường vẫn chịu sự ảnh hưởng của tình hình giao dịch chậm, do kỳ nghỉ Tết Dương lịch.

DIỄN BIẾN GIÁ PHÂN URE TRONG NƯỚC TỪ ĐẦU NĂM 2023 ĐẾN NAY

Đơn vị tính: Nghìn đồng/kg



Nguồn: AgroMonitor

3.2. Dự báo

3.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Dự báo thị trường phân bón toàn cầu trong năm 2025 sẽ đối diện với những biến động nhẹ, với giá bán các loại phân bón chủ chốt như ure, DAP và Kali dự kiến giảm từ 3% - 8% so với năm 2024. Sự suy giảm này chủ yếu là do nhu cầu phân bón tại Ấn Độ và Brazil được kỳ vọng giảm, kết hợp với sự giảm giá nguyên liệu đầu vào như khí và than. Hơn nữa, giá nhiều loại nông sản chủ chốt như lúa mì, ngô và gạo cũng sẽ giảm, nhờ vào nguồn cung tăng khi thời tiết thuận lợi hơn.

Mặc dù vậy, sự giảm giá của khí và than có thể tạo động lực cho việc sản xuất phân bón, trong khi giá nông sản giảm sẽ làm giảm đà tăng giá bán phân bón. Theo Hiệp hội Phân bón Thế giới (IFA), nhu cầu tiêu thụ phân bón toàn cầu sẽ tăng nhẹ trong hai năm tới, đặc biệt là phân ure, dự kiến sẽ tăng 6% trong giai đoạn 2024-2028. Tuy nhiên, nhu cầu phân phốt phát vẫn chịu áp lực vào năm 2025 và chỉ ghi nhận mức tăng trưởng nhẹ dưới 2% vào năm 2026.

3.2.2. Thị trường trong nước

Thị trường phân bón tại Việt Nam trong năm 2025 dự kiến sẽ có những biến động đáng chú ý, khi giá phân bón thế giới giảm 2% - 3%, nhưng mức giảm này sẽ thấp hơn tại Việt Nam nhờ vào bốn yếu tố chính.

Thứ nhất, nhu cầu tiêu thụ phân bón trong nước sẽ tăng nhờ vào thời tiết thuận lợi khi giai đoạn La Nina kết thúc và chuyển sang thời tiết trung tính, tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân trong việc trồng trọt.

Thứ hai, các doanh nghiệp phân bón trong nước sẽ đẩy mạnh các hoạt động tiếp thị để kích cầu thay vì giảm giá bán, do chi phí sản xuất cao và không được hoàn thuế VAT. Các doanh nghiệp như Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí. Cà Mau (PVCFC), Công ty Cổ phần Phân bón và Hoá chất Dầu khí (PVFCCo) dự kiến sẽ duy trì chiến lược này để giữ vững thị phần.

Thứ ba, việc áp dụng Luật Thuế VAT sửa đổi từ 1/7/2025 vẫn chưa thể tiết giảm chi phí ngay lập tức, điều này sẽ ảnh hưởng đến khả năng giảm giá bán trong ngắn hạn.

Thứ tư, diễn biến cung cầu thế giới đối với từng loại phân bón sẽ có sự khác biệt, tác động đến giá bán phân bón nội địa.

Bên cạnh đó, nhu cầu phân bón tại Việt Nam dự kiến sẽ duy trì ổn định, với khoảng 11 triệu tấn phân bón tiêu thụ mỗi năm. Các loại phân như ure, DAP, NPK và kali sẽ chiếm tỷ trọng lớn, trong đó phân ure có sản lượng lớn nhất với tổng công suất ước đạt 3 triệu tấn/năm. Đồng thời, nhu cầu phân bón ngắn hạn sẽ được cải thiện nhờ vào xu hướng tăng trưởng xuất khẩu nông sản và nguồn cung gạo thế giới chưa được cải thiện. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn phụ thuộc vào nhập khẩu kali, tạo ra sự thiếu hụt nguồn cung trong nước đối với loại phân bón này.

Ngoài ra, ngành phân bón Việt Nam đang được thúc đẩy bởi chính sách hỗ trợ nông nghiệp bền vững, chuyển đổi sang các phương pháp canh tác hiện đại và đầu tư vào sản xuất phân bón hữu cơ và sinh học. Dự báo thị trường phân bón Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng với tốc độ hàng năm khoảng 3.38%, đạt giá trị 4.2 tỷ USD vào năm 2030, nhờ vào sự gia tăng nhu cầu về thực phẩm khi dân số Việt Nam tăng trưởng.

4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

4.1. Thông tin trong kỳ

4.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Tình hình thị trường điện toàn cầu tiếp tục chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố phức tạp, dẫn đến sự biến động mạnh về giá điện và thiếu hụt nguồn cung ở một số khu vực trong tháng 12.

Tại châu Âu, giá điện tại miền Nam Na Uy đã tăng mạnh lên mức 13,16 Nkr (1,18 USD)/kwh vào ngày 12/12, cao nhất kể từ năm 2009, do tình trạng thiếu gió tại Đức và Biển Bắc. Mức giá này cao gấp gần 20 lần so với tuần trước, gây lo ngại cho các quốc gia EU, vốn dựa vào nguồn thủy điện của Na Uy để ổn định giá năng lượng.

Iran cũng đang phải đối mặt với tình trạng thiếu điện nghiêm trọng. Chính phủ Iran đã ra lệnh đóng cửa tạm thời các khu công nghiệp và thị trấn trên toàn quốc, khi nguồn khí đốt thiếu hụt 350 triệu mét khối mỗi ngày. Điều này buộc chính phủ phải cắt giảm nguồn cung khí đốt cho các nhà máy điện, dẫn đến việc 17 nhà máy phải ngừng hoạt động hoàn toàn.

Tại Đức và các quốc gia châu Âu khác, xu hướng giá điện âm tiếp tục diễn ra khi sản xuất năng lượng tái tạo gia tăng vượt quá nhu cầu. Giá điện tại Đức đã giảm xuống mức âm trong 468 giờ trong năm 2024, tăng hơn 60% so với năm trước.

Đồng thời, các quốc gia khác như Vương quốc Anh, Pháp, và Tây Ban Nha cũng ghi nhận sự gia tăng của giá điện âm, phản ánh sự mất cân bằng giữa cung và cầu điện, đặc biệt khi năng lượng gió và mặt trời ngày càng chiếm ưu thế trong cơ cấu sản xuất điện.

4.1.2. Thị trường trong nước

Trong tháng 12, thị trường điện tại Việt Nam tiếp tục gặp nhiều biến động, đặc biệt là khi nhu cầu tiêu thụ điện gia tăng trong mùa đông.

Bên cạnh đó, giá điện sinh hoạt đã tăng 0,75% so với tháng trước, do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân kể từ ngày 11/10/2024. Mức tăng này phản ánh sự điều chỉnh cần thiết nhằm cân bằng nguồn cung và nhu cầu điện, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu sưởi ấm và sử dụng điện tăng cao vào mùa lạnh.

Trước nhu cầu sử dụng điện tăng cao, đặc biệt trong các khu vực phía Bắc, áp lực lên hệ thống điện quốc gia đã gia tăng đáng kể. Tuy nhiên, để đảm bảo cung ứng điện ổn định, Chính phủ đã triển khai các biện pháp bổ sung như tăng cường nguồn điện từ các nhà máy nhiệt điện và thủy điện, đồng thời thúc đẩy việc sử dụng năng lượng tái tạo. Các biện pháp này đã giúp giảm thiểu tình trạng thiếu điện cục bộ, đặc biệt trong các giờ cao điểm, dù mức tiêu thụ điện vẫn tiếp tục ở mức cao.

4.2. Dự báo

4.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Dự báo thị trường điện thế giới trong thời gian tới sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều biến động và thách thức, đặc biệt là khi các yếu tố như biến động giá năng lượng, khủng hoảng khí đốt và các vấn đề khí hậu vẫn ảnh hưởng sâu rộng.

Tuy nhiên, một xu hướng đáng chú ý là sự trở lại mạnh mẽ của điện hạt nhân, đặc biệt tại các quốc gia phát triển. Xu hướng này được thúc đẩy bởi một số yếu tố chính, bao gồm nhu cầu đảm bảo an toàn năng lượng, bền vững môi trường và giảm thiểu khí thải carbon. Các quốc gia, đặc biệt là ở châu Âu và Bắc Mỹ, đang xem điện hạt nhân như một giải pháp để giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch và cải thiện tính ổn định trong cung cấp điện, nhất là trong bối cảnh các nguồn năng lượng tái tạo như gió và mặt trời chưa đủ ổn định để đáp ứng nhu cầu cao.

Trong khi đó, các quốc gia đang phát triển ở châu Á và Mỹ Latinh tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào năng lượng tái tạo để đáp ứng nhu cầu điện ngày càng tăng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

Ngoài ra, với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ và đầu tư vào năng lượng sạch, nhu cầu điện cho các trung tâm dữ liệu, đặc biệt là những trung tâm sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI), sẽ tăng mạnh trong thập kỷ tới, góp phần làm tăng nhu cầu điện toàn cầu.

4.2.2. Thị trường trong nước

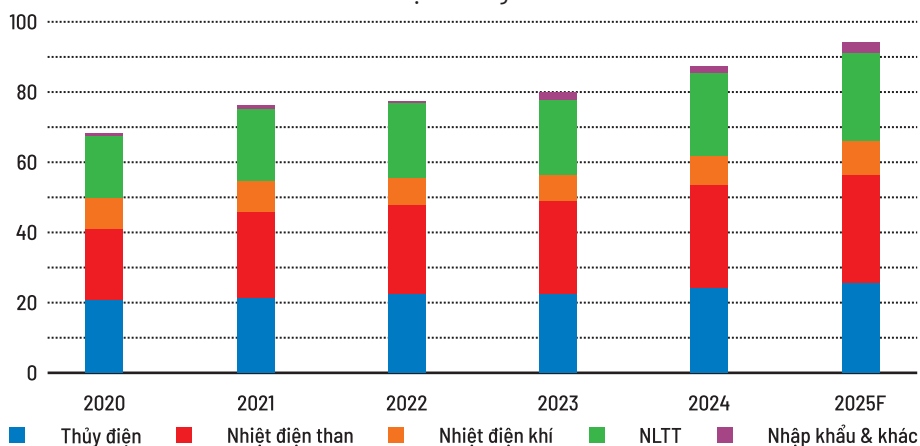
Dự báo thị trường điện Việt Nam năm 2025 sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức, nhưng cũng mang đến cơ hội lớn khi nền kinh tế đang tăng trưởng mạnh mẽ, đặc biệt là nhờ dòng vốn FDI dồi dào và các dự án hạ tầng công cộng trọng điểm.

Theo dự báo của Bộ Công Thương, nhu cầu tiêu thụ điện trong năm 2025 có thể tăng mạnh 11,3% so với năm 2024, trong bối cảnh Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP đạt khoảng 8%. Các nhà máy điện sẽ phải được huy động ở mức cao, đặc biệt trong các tháng mùa khô khi nhu cầu đạt đỉnh. Tuy nhiên, thị trường điện cũng sẽ gặp khó khăn trong việc duy trì nguồn cung ổn định, đặc biệt là tại miền Bắc, nơi mà tỷ lệ sản lượng dự phòng có thể chỉ đạt 3-4% trong giai đoạn từ tháng 3-6/2025, gây áp lực lên hệ thống điện. Trong khi đó, miền Nam dự báo công suất hệ thống điện có thể đáp ứng đủ nhu cầu, nhưng cũng cần chú ý đến sự gia tăng nhu cầu tiêu thụ.

Các nguồn cung điện chủ yếu sẽ đến từ nhiệt điện, thủy điện và năng lượng tái tạo. Tuy nhiên, trong bối cảnh các mỏ khí chủ lực đang suy giảm, nhu cầu tăng cao có thể khiến sản lượng khí cung cấp cho điện giảm, nhất là tại khu vực Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ. Các dự án điện khí LNG và điện gió đang được triển khai, đặc biệt là các dự án nhiệt điện khí Nhơn Trạch 3 và 4 dự kiến vận hành vào năm 2025, sẽ góp phần quan trọng trong việc bổ sung nguồn cung điện ổn định cho hệ thống quốc gia.

TỔNG CÔNG SUẤT CÁC NGUỒN ĐIỆN
 GIAI ĐOẠN 2020 - 2024 VÀ DỰ BÁO NĂM 2025

Đơn vị tính: Nghìn MW



Nguồn: VCBS

Bên cạnh đó, điện gió, mặc dù có tiềm năng lớn, nhưng vẫn đang gặp khó khăn trong tiến độ triển khai các dự án, đặc biệt là điện gió ngoài khơi. Tuy nhiên, dự báo trong tương lai gần, các dự án điện gió sẽ có những bước đột phá, góp phần đa dạng hóa nguồn cung điện cho Việt Nam trong bối cảnh nhu cầu tăng cao và yêu cầu phát triển bền vững.



PHẦN IV

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Trong bối cảnh tình hình kinh tế và ngành năng lượng tháng 12/2024 nhiều biến động đang tạo ra những thách thức và cơ hội mới cho ngành năng lượng. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp trong ngành như PVN cần có những điều chỉnh chiến lược để thích nghi và tận dụng những xu hướng này.

Dưới đây là một số khuyến nghị cụ thể dành cho PVN, nhằm tối ưu hóa hoạt động và nắm bắt cơ hội trong môi trường kinh doanh hiện tại:

- Tập trung phát triển các dịch vụ năng lượng mới và thân thiện với môi trường như thu hồi và lưu trữ CO₂, phát triển hệ thống trạm sạc xe điện, pin lưu trữ năng lượng... Đồng thời, chú trọng đầu tư vào các chuỗi giá trị năng lượng tái tạo, điển hình như điện gió ngoài khơi và năng lượng mặt trời, nhằm tạo ra những sản phẩm bền vững và góp phần thực hiện chiến lược phát triển lâu dài của Tập đoàn.
- Nghiên cứu tích hợp các lĩnh vực năng lượng trong một chuỗi giá trị đồng bộ từ khai thác dầu khí, sản xuất điện, chế biến khí, lọc hóa dầu... Việc này không chỉ nâng cao tính cạnh tranh mà còn giúp Tập đoàn chủ động trong việc cung cấp năng lượng cho các ngành công nghiệp và tiêu thụ dân sinh, đồng thời tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên.
- Tăng cường sử dụng các giải pháp quản lý năng lượng tiên tiến, bao gồm hệ thống quản lý năng lượng tự động, tích hợp công nghệ AI và IoT để giám sát và tối ưu hóa quá trình sử dụng năng lượng, góp phần hạn chế lãng phí, tăng cường hiệu quả sử dụng năng lượng trong các nhà máy, công trình và dự án, đồng thời hỗ trợ bảo vệ môi trường và giảm thiểu chi phí vận hành.
- Chủ động tìm kiếm các đối tác quốc tế trong lĩnh vực nhập khẩu LNG, đồng thời phát triển các chuỗi cung ứng năng lượng phát thải cacbon thấp. Phối hợp với các quốc gia và tổ chức quốc tế để tăng cường năng lực cung cấp năng lượng sạch và giảm phát thải khí nhà kính.
- Đẩy mạnh hợp tác với các cơ quan truyền thông chính thống, uy tín, bao gồm báo chí, truyền hình và các tổ chức truyền thông... nhằm mở rộng phạm vi tiếp cận, nâng cao hiệu quả quảng bá thương hiệu của Tập đoàn và đảm bảo thông điệp được truyền tải nhất quán và rộng rãi.
- Mở rộng thị trường, phát triển quan hệ hợp tác quốc tế thông qua việc xây dựng các liên minh chiến lược với các tập đoàn năng lượng lớn và các công ty công nghệ cao. Việc này không chỉ giúp Tập đoàn phát triển cơ hội kinh doanh, mà còn giúp tăng cường vị thế thương hiệu, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 1/2025

PHỤ LỤC I

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 12 NĂM 2024

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Tháng 12 năm 2024	Năm 2024	Tỷ lệ so sánh (%)		
					A	B	C
1	Tăng trưởng GDP		n/a	11.511,9	-	-	107,09
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)		n/a	-	-	108,8	108,4
3	Hoạt động của doanh nghiệp						
3.1	Thành lập mới	DN	10.000	233.400	89,6	87,4	107,1
3.2	Quay lại hoạt động	DN	8.800		114,8	138,3	
3.3	Rút lui khỏi thị trường	DN					
	- Ngừng kinh doanh có thời hạn	DN	4.187	100.100	98,7	110,1	112,4
	- Chờ làm thủ tục giải thể	DN	19.886	76.200	263,4	228,9	116,3
	- Hoàn tất giải thể	DN	2.345	21.600	122,8	121,2	120,0
4	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội						
4.1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	Nghìn tỷ	-	661,3	-	-	103,3
4.2	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD	-	38,23	-	-	97,0
4.3	Vốn FDI thực hiện	Tỷ USD	-	25,35	-	-	109,4
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng						
6	Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa						
6.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	35,53	405,53	105,3	112,8	114,3
6.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	35,01	380,76	107,2	119,2	116,7
6.3	Cán cân thương mại	Tỷ USD	Xuất siêu 0,52	Xuất siêu 24,77			
7	Chỉ số giá						
7.1	Chỉ số giá tiêu dùng				100,29	102,94	103,63
7.2	Chỉ số giá vàng				98,62	131,07	128,64
7.3	Chỉ số giá Đô la Mỹ				100,09	104,31	104,91
7.4	Lạm phát cơ bản				100,25	102,85	102,71

A: Tháng 12/2024 so với tháng 11/2024

B: Tháng 12/2024 so với tháng 12/2023

C: Năm 2024 so với năm 2023



Ảnh bìa: Bitcoin đã vượt mốc 100.000 USD, đánh dấu mức tăng hơn 120% trong năm.

 Pexels/Kaboompics



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH
phối hợp thực hiện